

TỪ BỮU SƠN KỲ HƯƠNG ĐẾN TỬ ÂN HIẾU NGHĨA & PHẬT GIÁO HOÀ HẢO (II)

Người Long Hồ

IX NHỮNG VỊ ĐỆ TỬ NỔI TIẾNG CỦA ĐỨC PHẬT THẦY TÂY AN (P-1)

I. TĂNG CHỦ BÙI THIÊN SƯ (?-?)

Tăng Chủ tên thật là Bùi Đình Thân. Hiện tại chúng ta không có tư liệu về năm sinh, năm mất, cũng như cuộc đời của ông trong buổi thiếu thời, chỉ biết ông sống vào thời giữa thế kỷ thứ XIX. Tuy ông có tên thật là Bùi Đình Thân, nhưng kể từ khi ông theo học đạo, làm đệ tử đức Phật Thầy Tây An, và được ban cho đạo hiệu là Bùi Thiên Sư, thì ít ai còn nhắc đến tên thật của ông nữa. Theo các bậc kỳ lão ở địa phương, thì ông Tăng Chủ Bùi Đình Thân không lập gia đình và không có con, nhưng về sau này ông có xin một đứa nhỏ về làm con nuôi (1). Khi đức Phật Thầy Tây An dựng trại ruộng ở Hưng Thới thì người ta đã thấy ông Tăng Chủ là người đầu tiên có mặt bên Thầy. Kể từ đó, ông được đức Phật Thầy truyền đạo, phát phù trị bệnh, và chiêu mộ dân cư tổ chức việc khai phá và lập làng.

Sau khi đức Phật Thầy Tây An đã thiết lập xong Trại Ruộng ở Thới Sơn tại chân núi Ông Két, thì Bùi Thiên Sư được giao cho việc cai quản và chăm sóc trại ruộng này. Từ đó, người địa phương gọi ông là ông sư làm chủ trại ruộng, gọi tắt là Tăng Chủ, và cái tên này cũng đồng hành với sự nghiệp hành đạo và kháng chiến chống Pháp của ông trong lịch sử của dân tộc Việt Nam. Phải thực tình mà nói, đức Phật Thầy Tây An là một bậc công đức quá cao dày, đi đâu đến đâu ngài cũng được rất nhiều đệ tử tài ba xuất chúng theo hộ trì. Riêng đối với ông Tăng Chủ hay Bùi Thiên Sư, cũng là một trong những đệ tử xuất chúng của đức Phật Thầy. Sau khi được Thầy giao cho Trại Ruộng ở Thới Sơn, Tăng Chủ Bùi Thiên Sư đã vận động tín đồ tiếp tục khai phá hoang địa nơi sơn lâm, lập nên hai làng là Hưng Thới và Xuân Sơn, về sau này được hợp nhất lại thành xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Bên cạnh đó, Tăng Chủ Bùi Thiên Sư còn có công rất lớn trong việc phát triển đạo Bửu Sơn Kỳ Hương tại vùng đất này. Sau khi đức Phật Thầy Tây An mất được khoảng ba năm, vào năm 1859, vì có sự bất đồng với ông Lăng (?), Tăng Chủ Bùi Thiên Sư bèn trở lại làng Xuân Sơn lập một ngôi Tam Bảo, mà ngày nay là Đình Thới Sơn (2), rồi cùng với người con nuôi tên là Đình Tây hành đạo.

Trong thời gian ông hành đạo ở thôn Thới Sơn, thì vùng này hãy còn nhiều rừng rậm và rất hoang vu nên thú dữ có tiếng hại người cũng rất nhiều. Tương truyền một hôm Tăng Chủ Bùi Thiên Sư đi thăm ruộng về, trong khi trời nhá nheo tối, ông trông thấy một con cọp lớn đang nằm bên vệ đường. Thấy ông, cọp đứng dậy há miệng ra và tỏ vẻ đau đớn lắm. Tăng Chủ bèn hỏi: “Chắc ngươi mắc xương phải không?” Cọp gật đầu và đập đuôi. Tăng Chủ bèn co tay nắm mạnh vào cổ con thú, lập tức con cọp khạc lên mấy tiếng rồi trong miệng văng ra một khúc xương lớn. Hôm sau, ông Tăng Chủ thấy xác một con heo rừng nằm bên cạnh tự viện, do cọp đem đến để đền ơn cứu chữa. Hiện nay bên cạnh đình Thới Sơn vẫn còn cái miếu thờ “Ông Hồ” này.

Người ta nói ông mất vào ngày 27 tháng 10 năm Mùi, thọ trên 80 tuổi, nhưng không nói là năm Mùi nào. Hiện ngôi mộ không đắp năm của ông vẫn còn, cách đình Thới Sơn khoảng 100 mét. Trên bia mộ có ghi mấy dòng chữ như sau:

“Đại Nam Quốc, An Giang Tỉnh, Tịnh Biên Phủ,
Quy Đức Tổng, Thới Sơn Thôn.
Nguyên Tăng Chủ Bùi Thiên Sư, hưởng thượng thọ.
Mùi niên, thập nguyệt, nhị thập thất nhật chi chung.”

Ghi Chú:

(1) Đứa trẻ con nuôi của ông Tăng Chủ Bùi Thiên Sư là ông Đình Tây về sau này. Theo giáo sư Nguyễn Văn Hầu trong quyển “Nửa Tháng Trong Miền Thất Sơn”, NXB Đuốc Từ Bi, California, 1999, tr. 149-155, Nguyễn Văn Hầu mô tả ông Đình Tây như sau: “Tướng mạo cao lớn, miệng rộng, tay dài, tiếng nói sang sảng mà tâm tính bao giờ cũng thuần hậu.”

(2) Đình Thới Sơn nằm cách trụ sở làng Xuân Sơn khoảng một cây số. Ngôi Tam Bảo này do Tăng Chủ Bùi Thiên Sư và ông Đình Tây dựng lên để tu. Nhưng sau khi hai ông viên tịch thì dân địa phương đổi lại làm ngôi đình. Tuy vậy, trong đình ngày nay vẫn còn một tòa thờ Phật. Ngôi đình rộng rãi, nhưng trang trí rất đơn giản. Bên cạnh đình là một khu mộ, trong đó có hai ngôi mộ của hai ông Tăng Chủ và Đình Tây. Mộ không

đắp nôm, có bia mộ viết bằng chữ Hán ghi: “Đại Nam Quốc, An Giang tỉnh... nguyên Bùi, húy Thân...”



Hình 1: Đình Thới Sơn được xây dựng bởi Tăng Chủ Bùi Thiên Sư, ảnh 2015.



Hình 2: Phía trước Đình Thới Sơn, ảnh 2015.



Hình 3: Tượng cạp trước tiền điện đình Thới Sơn, ảnh 2015.



Hình 4: Bên trong Chánh điện Đình Thới Sơn , ảnh 2015.



Hình 5: Cổng vào mộ của Tăng Chủ Bùi Thiên Sư, ảnh 2015.



Hình 6: Khu Mộ của Tăng Chủ Bùi Thiên Sư, ảnh 2015.



Hình 7: Bia Mộ của Tăng Chủ Bùi Thiên Sư, ảnh 2015.



Hình 8: Chung quanh khu Mộ của Tăng Chủ Bùi Thiên Sư, ảnh 2015.



Hình 9: Chung quanh khu Mộ của Tăng Chủ Bùi Thiên Sư, ảnh 2015.



Hình 10: Tranh vẽ cảnh Tăng Chủ Bùi Thiên Sư đang cứu một con cọp đang bị mắc xương. Tương truyền một hôm Tăng Chủ Bùi Thiên Sư đi thăm ruộng về, trong khi trời nhá nhem tối, ông trông thấy một con cọp lớn đang nằm bên vệ đường. Thấy ông, cọp đứng dậy há miệng ra và tỏ vẻ đau đớn lắm. Tăng Chủ bèn hỏi: “Chắc người mắc xương phải không?” Cọp gật đầu và đập đuôi. Tăng Chủ bèn co tay đâm mạnh vào cổ con thú, lập tức con cọp khạc lên mấy tiếng rồi trong miệng văng ra một khúc xương lớn. Hôm sau, ông Tăng Chủ thấy xác một con heo rừng nằm bên cạnh tự viện, do cọp đem đến để đền ơn cứu chữa. Hiện nay bên cạnh đình Thới Sơn vẫn còn cái miếu thờ “Ông Hồ” này., ảnh Internet (Google).

X NHỮNG VỊ ĐỆ TỬ NỔI TIẾNG CỦA ĐỨC PHẬT THẦY TÂY AN (P-2)

II. ÔNG ĐÌNH TÂY (1826-1914)

Đình Tây tên thật là Bùi Văn Tây, là một trong những cao đồ của đức Phật Thầy Tây An. Ông Bùi Văn Tây có dáng người mạnh mẽ, không cao lắm, gương mặt tròn mà trắng. Hiện tại chúng ta không có tư liệu về bản quán, thân thế và cuộc đời thời niên thiếu của ông, chỉ biết ông sinh năm 1826 và qua đời vào năm 1914 (1). Hồi nhỏ ông có học chữ Nho, lúc lớn lên thì làm ruộng rẫy, thích ăn trầu, tánh tình rất hòa nhã, nhưng cương nghị và quả cảm, không ưa những chuyện tà vạy. Khi lớn lên, ông theo làm con nuôi cho người bác là ông Tăng Chủ, tức Bùi Thiền Sư, và được ông này giao cho coi sóc ngôi đình Xuân Sơn (2), nay là đình Thới Sơn, cho nên dân chúng trong vùng thường gọi ông là ông Đình, chứ không phải chữ lót của ông là Đình, cũng không phải ông từng giữ chức sắc Hương Đình trong làng. Về đời tư của ông Đình Tây, ông có hai đời vợ. Bà vợ trước, không rõ tên họ, sanh được một con trai tên là Bùi Văn Vệt, cả hai mẹ con cùng đã chết ở Năng Gù. Sau đó, ông cưới bà vợ sau tên là Trần Thị Cửa (1841-1907), gốc người làng Thới Sơn. Bà vợ sau sanh được bốn người con, một trai ba gái: Con trai trưởng tên Bùi Văn Sửu, và ba người con gái tên Bùi thị Lý, Bùi thị Cơ, và Bùi thị Nhẫn.

Vì ông là người có võ nghệ cao cường, lại có lòng yêu nước thương dân, nên không khứng trước sự cai trị tàn độc của thực dân Pháp, nên có một thời ông đã vận động quần chúng đứng lên đánh quân xâm lược Pháp. Sau đó, vì vũ khí thô sơ, nên cuộc kháng chiến không thành. Đình Tây ra lệnh cho toàn bộ nghĩa binh rút về trại ruộng Thới Sơn củng cố lực lượng chờ ngày quật khởi. Không biết ông quy-y với đức Phật Thầy Tây An vào năm nào, nhưng ngay từ buổi đầu người ta đã thấy ông cùng với Tăng Chủ Bùi Thiền Sư và Phạm Văn Lăng đã đến ở trại ruộng Thới Sơn do đức Phật Thầy thành lập ngay từ buổi đầu. Theo các bậc kỳ lão trong vùng, họ nói theo ông bà họ kể lại thì hồi đức Phật Thầy Tây An mới thành lập Trại Ruộng, ông Đình Tây là người thường hầu hạ bên đức Phật Thầy. Trong khi đức Phật Thầy Tây An thì dùng nước lạnh để trị bệnh, thì Ông Đình Tây có cách trị bệnh cũng hết sức đặc biệt, bất cứ ai đến và đau bất cứ bệnh gì, ông cũng chỉ dùng miếng sành cắt cho thì hết bệnh.

Người đương thời có rất nhiều giai thoại về ông Đình Tây, nhưng có lẽ giai thoại về ông với ông Năm Chèo là lý thú nhất. Một bữa, đức Phật Thầy vì lòng hiếu sinh, nên đã sai ông Đình Tây đi xuống Láng (3) để giúp đỡ đẻ cho một sản phụ, khi người ấy chỉ ở một mình giữa đồng. Khi việc vừa xong thì chồng của sản phụ, tên là Xinh, cũng vừa về tới. Người này chuyên nghề bắt rùa bắt rắn trong vùng đầm lầy. Biết ông Đình Tây tới giúp cho vợ mình như vậy, người ấy bèn lạy để tạ ơn. Đồng thời anh Xinh cũng biếu cho ông Đình Tây một con cá sấu mà anh ta vừa bắt được đem qua. Đình Tây thấy con cá sấu có cái gì khác thường, có 5 chân với toàn thân chỉ một màu đỏ, với những lốm đốm như bông hoa, da láng chứ không sần sùi như các loài cá sấu thường thấy. Ông bèn nhận đem về nuôi, nhưng quyết định trả tiền cho anh Xinh.

Về đến nơi, đức Phật Thầy Tây An vừa thấy, bèn nói đây là quái vật, phải trừ đi, kéo về sau nó gây họa lớn. Nhưng ông Đình Tây thương con cá sấu quá, nên không đành cho người ta ăn thịt hoặc bỏ đi. Ông nghĩ cách dấu Thầy để đem về nuôi ở trại ruộng Xuân Sơn. Được khoảng ba năm, con sấu trở nên to lớn, đầu đã cột nó lại hẳn hoi, nhưng sau một đêm mưa to gió lớn, con sấu bỏ đi mất. Khi ông Đình Tây trở lại trại ruộng thì mới biết nó đã cắn đứt chân bị xích để trốn đi. Lúc này thì Đình Tây hết sức lo âu, vì không biết hậu họa như thế nào. Ông bèn gặp đức Phật Thầy và trình báo hết mọi việc cho ngài. Đức Phật Thầy bèn cho người rèn một lưỡi câu, một lưỡi mun, và hai cây dao có lưỡi nhọn dài chừng 5 tấc... Rồi ông giao hết tất cả những dụng cụ này cho Đình Tây để phòng khi con sấu năm chún quay trở lại gây họa cho dân lành vô tội.

Sau khi đức Phật Thầy Tây An mất được khoảng ba năm, vào năm 1859, vì có sự bất đồng với ông Phạm Văn Lãng, ông cùng người cha nuôi là Tăng Chủ Bùi Thiên Sư bèn trở lại làng Xuân Sơn lập một ngôi Tam Bảo, mà ngày nay là Đình Thới Sơn, để hành đạo. Một năm vào mùa nước nổi, con cá sấu này xuất hiện và trườn lên bờ tại vùng Láng Linh. Bây giờ thì nó quá lớn, rượt bắt thiên hạ, làm náo động cả vùng. Dân chúng trong vùng cấp báo cho ông Đình Tây biết. Ông Đình Tây mang những thứ mà ngày trước đức Phật Thầy Tây An đã giao cho ông đi tới chỗ con sấu. Nhưng dường như các sấu đánh được hơi của ông Đình Tây, nên lui xuống rạch đi mất dạng.

Từ đó về sau, hễ khi nào có con cá sấu 5 chèo này xuất hiện thì người ta báo cho ông Đình Tây tới; khi ông tới thì nó lui đi. Biết như vậy, nên mỗi khi thấy con sấu xuất hiện mà ông Đình Tây chưa kịp đến, thì dân chúng lại hô lớn lên: “Bớ ông Đình ơi! Ông Năm Chèo dậy!” Mà cũng lạ, khi nghe câu này, thì cá sấu bèn lui đi ngay. Chuyện liên tiếp xảy ra nhiều lần, và ông Đình Tây cũng nhiều lần phải lui tới Láng Linh

để bắt con cá sấu này, nhưng không được, vì không thể nào gặp được nó. Lần sau cùng khi ông tới nơi, ông đã nói lớn giữa hư không rằng: “Nếu sấu thần chưa tới số, thì từ nay nên yên lặng, đừng nổi lên phá hoại xóm làng. Còn như mạng căn đã hết, thì hãy sớm chịu oai trời, đừng để phải phiền đến ta.” Sau ngày ấy, con sấu biến đi mất. Dầu từ đó về sau Ông Năm Chèo không còn xuất hiện, nhưng ở vùng sông nước Vàm Nao và Láng Linh, dân chài lưới và thương hồ thời bấy giờ đều ngán sợ, không biết ngày nào Ông Năm Chèo sẽ trở lại, nhận chìm ghe làm hại dân chúng trong vùng.

Về sau này, có người nói khi giặc Pháp bố binh ở Gia Nghị để càn quét lực lượng kháng chiến của Quân Cơ Trần Văn Thành (4). Vì lực lượng của Tây đông quá và vũ khí tối tân quá, nên nghĩa binh phải rút lui để bảo toàn lực lượng, nhưng vì lau sậy và đé nga dày quá nên thuyền chống không đi nổi, mà quân Pháp lại bắn phá quá gấp. Ngay lúc đó, ông Năm Chèo, tức con cá sấu 5 chum, lại xuất hiện làm cho ngã rạp một luống cho thuyền của nghĩa binh theo đó mà chống đi thoát nạn. Từ đó Ông Năm Chèo được dân chúng và nghĩa binh ca ngợi và danh tiếng cũng vang dội không kém danh tiếng của ông Đình Tây. Theo ông Từ giữ đình Thới Sơn, bộ vật dụng của ông Đình Tây dùng để bắt ông Năm Chèo vẫn còn được thờ trong đình (5).

Đình Tây mất vào năm 1914, khi ông mất, những người dân và nghĩa dũng địa phương trước đây đã từng kháng chiến chống Pháp dưới sự chỉ huy của ông đều đến dự tang lễ của ông và cả ngàn người, ai nấy cũng khóc kính thương một vị thủ lĩnh lúc nào cũng sát cánh với dân quân. Hiện nay trước đình Thới Sơn vẫn còn một cái ao rộng chứa nước cho sinh hoạt cả vùng. Người ta nói, chính tại ao này khi xưa ông Đình Tây đã lén thả nuôi con sấu 5 chum. Cách đó khoảng vài trăm mét là khu mộ không đắp nấm của hai ông bà Đình Tây.

Ghi Chú:

(1) Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam ghi năm sinh và mất của ông là 1803-1890. Theo Nguyễn Văn Hầu thì xưa kia ông có một người chú ruột ở Năng Gò, tỉnh Châu Đốc.

(2) Đứa trẻ con nuôi của ông Tăng Chủ Bùi Thiên Sư là ông Đình Tây về sau này. Theo giáo sư Nguyễn Văn Hầu trong quyển “Nửa Tháng Trong Miền Thất Sơn”, NXB Đuốc Từ Bi, California, 1999, tr. 149-155, Nguyễn Văn Hầu mô tả ông Đình Tây như sau: “Tướng mạo cao lớn, miệng rộng, tay dài, tiếng nói sang sảng mà tâm tính bao giờ cũng thuận hậu.”

(3) Chỉ Láng Linh, nơi có một trại ruộng khác nữa cũng do đức Phật Thầy lập ra, các xa hữu ngạn sông Hậu giang chừng vài chụ cây số.

(4) Quản Cơ Trần Văn Thành là thủ lĩnh kháng chiến chống Pháp trong vùng Gia Nghị-Láng Linh từ năm 1868 đến năm 1873.

(5) Theo lời ông Từ giữ đình Thới Sơn và những bô lão địa phương, bộ dụng cụ mà đức Phật Thầy Tây An trao cho ông Đình Tây dùng để bắt các sấu 5 chum vẫn còn được lưu giữ và thờ trong đình Thới Sơn. Người ta nói, khi ông Năm Chèo trở mình, chỉ người nào đức hạnh hay đạo cao mới có thể dùng những vật dụng này để bắt Ông Năm Chèo mà thôi. Bộ vật dụng này gồm: Lưỡi câu nganh bén, dài 5,3 phân; lưỡi mun bị mẻ một góc, dài khoảng 3,6 tấc, có lỗ để tra cán. Hai mũi lao nhọn, mỗi mũi dài khoảng 5 tấc. Tất cả đều được rèn bằng sắt. Còn sợi dây được se bằng tơ, tròn bằng đầu đũa ăn cơm, bề dài ban đầu là 16 thước, nhưng bây giờ đã mục và ngắn đi nhiều. Nhìn bề ngoài, bộ vật dụng này không có vẻ gì đặc biệt, nhưng được người địa phương, nhất là những tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa xem đây là bửu bối có phép thiêng. Tương truyền, có lần nhà của ông Đình Tây bị cháy rụi, nhưng bộ vật dụng không hề hấn gì, ngay cả sợi dây tơ.



Hình 1: Đình Thới Sơn, nơi Đình Tây hành đạo, ảnh 2015. Đình Thới Sơn tọa lạc gần chân núi Két, thuộc xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh Châu Đốc, ngày nay thuộc tỉnh An Giang. Đây là một ngôi đình thờ thần Thành hoàng của làng Xuân Sơn và Hưng Thới xưa, về sau này được ghép lại là Thới Sơn. Trong số đệ tử của Phật Thầy Tây An, có Tăng Chủ và Đình Tây là hai người có công lớn trong việc khai sơn lập ấp và lập đình Thới Sơn. Khi đình lập xong, nơi đây cũng là chỗ tu hành chính của hai ông. Hiện còn phần mộ của hai ông ở bên cạnh đình. Theo các bậc kỳ lão trong vùng, họ nói theo ông bà họ kể lại thì hồi đức Phật Thầy Tây An mới thành lập Trại Ruộng, ông Đình Tây là người thường hầu hạ bên đức Phật Thầy. Trong khi đức Phật Thầy Tây An thì dùng nước lạnh để trị bệnh, thì Ông Đình Tây có cách trị bệnh cũng hết sức đặc biệt, bất cứ ai đến và đau bất cứ bệnh gì, ông cũng chỉ dùng miếng sành cắt cho thì hết bệnh.



Hình 2: Sông nước Hậu Giang vùng Chấn Cà Đao về hướng Châu Đốc, ảnh 2015.



Hình 3: Tranh vẽ cảnh Ông Đình Tây và Cá Sấu 5 Chum, ảnh 2015.



Hình 4: Tranh vẽ Cá Sấu 5 Chum, ảnh 2015.



Hình 5: Ao trước sân đình Thới Sơn, nơi Đình Tây thả sấu 5 chum, ảnh 2015.



Hình 6: Ao trước sân đình Thới Sơn, nơi Đình Tây thả sấu 5 chum, ảnh 2015.



Hình 7: Ao trước sân đình Thới Sơn, nơi Đình Tây thả sấu 5 chum, ảnh 2015.



Hình 8: Cổng vào khu mộ của hai Ông Bà Đình Tây (mộ ông Đình Tây và người vợ sau là bà Trần Thị Cúa tại xã Thới Sơn, quận Tịnh Biên).
Mỗi ngày đều có rất nhiều dân chúng tới thăm viếng, ảnh 2015.



Hình 8: Cổng vào khu mộ của hai Ông Bà Đình Tây (mộ ông Đình Tây và người vợ sau là bà Trần Thị Cúa tại xã Thới Sơn, quận Tịnh Biên).
Mỗi ngày đều có rất nhiều dân chúng tới thăm viếng, ảnh 2015.



Hình 10: Khu Chánh điện thờ tự bên trong khu mộ Hai Ông Bà Đình Tây, ảnh 2015.



Hình 11: Khu Chánh điện thờ tự bên trong khu mộ Hai Ông Bà Đình Tây, ảnh 2015.



Hình 12: Khu Chánh điện thờ tự bên trong khu mộ Hai Ông Bà Đình Tây, ảnh 2015.



Hình 13: Vật dụng dùng để bắt sáu 5 chum. Tương cũng nên nhắc lại, đức Phật Thầy Tây An đã giao cho ông Đình Tây 5 món gọi là năm bửu bối, gồm: 2 cây lao, 1 cây mun cỏ phung, 1 lưới câu, 1 đường dây băng để đi bắt cá sáu Năm Chèo (được thờ trong hình số 16), ảnh 2015.

XI

NHỮNG VỊ SAU THỜI ĐỨC PHẬT THẦY TÂY AN

I. ĐỨC PHẬT TRÙM (?-1875)

Căn cứ theo lời truyền miệng từ các tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật Giáo Hòa Hảo, sau khi đức Phật Thầy Tây An, Đoàn Văn Huyền (1807-1856) (1) mất, ông sẽ chuyển thêm bốn đời nữa để tiếp tục giáo hóa chúng sinh, đó là đức Phật Trùm, đức Bốn Sư Ngô Lợi, Sư Vãi Bán Khoai và đức Thầy Huỳnh Phú Sổ. Đức Phật Trùm, tên thật là Tà Pôn, người Việt gốc Khmer, gốc người ấp Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Do lòng tin nơi sự truyền miệng từ các bô lão, nên đức Phật Trùm rất được dân chúng trong vùng, nhất là vùng Thất Sơn tôn kính, từ đó mới có danh xưng tôn ông là đức Phật Trùm. Hiện nay chúng ta không có nhiều tài liệu về thân thế của đức Phật Trùm, chỉ biết qua truyền thuyết hay những câu chuyện truyền khẩu từ đời này qua đời khác của các bô lão địa phương. Từ thuở nhỏ đến khi trưởng thành, đức Phật Trùm sống và sinh hoạt như một người rất bình thường. Đến khi trưởng thành, ông cũng cưới vợ và sinh được 4 cô con gái. Ông là người Việt gốc Khmer ít học, thậm chí nói tiếng Việt còn chưa mấy rành rẽ.

Đến năm 1866, sau những ngày lâm bệnh trầm kha đến hôn mê trong một khoảng thời gian khá lâu, ông bỗng dựng tinh dậy, tỉnh táo và khỏe hẳn, rồi từ đó tự nhận mình là “Hậu thân của Phật Thầy Tây An”. Từ đó ông đi rao giảng đạo toàn bằng tiếng Việt và chữa bệnh cho đến khi ông viên tịch năm Ất Hợi, 1875. Ông đã để lại những lời sấm giảng về Hồn Trùm của Phật xuống hạ giới dạy đời như sau:

“Ồ đời hạ giới yêu ma,
Phật cho Thầy xuống để mà giảng dân.
Tuy là phần xác của Miên,
Hồn Trùm của Phật xuống lên dạy đời.”

Do bởi sau khi tỉnh lại, ông Tà Pôn tự xưng là “Hồn Trùm” của Phật, nên từ đó mới có danh xưng tôn kính là “Đức Phật Trùm”. Cũng từ đó, đức Phật Trùm bắt đầu thuyết giảng giáo lý toàn bằng tiếng Việt (2). Như trên đã nói, theo truyền thuyết thì đức Phật Trùm là hậu thân chuyển kiếp của đức Phật Thầy Tây An, nên những giáo thuyết của ngài giảng cũng hòa điệu với giáo thuyết của Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Sau đây

chúng ta hãy nghiền ngẫm một đoạn thơ được trích trong phần thuyết giảng của ngài:

“Thương đời ta phải bị đày,
Phật môn vạn pháp không ngoài cái Tâm.
Hạ ngươn sanh chúng lạc lăm,
Nên đem diệu lý âm thâm độ sinh.
Tu Nhân, Học Phật khá gìn,
Long Hoa đến hội, Phật tiên đến gần.”

Và cũng giống như lối hoằng pháp hành đạo của đức Phật Thầy Tây An, đức Phật Trùm cũng cho phân phát “Lòng Phái (3)”, trở tài trị bệnh thật kỳ diệu. Người ta kể rằng đức Phật Trùm thường dùng đèn sập đốt lên, bảo bệnh nhân ngửi hơi khói mà hết bệnh, nên dân chúng trong vùng Thất Sơn còn gọi ông là “Ông Đạo Đèn”. Cái tên “Đạo Đèn” cũng luôn được nhắc đến trong sấm giảng của ông như:

“Lâm san nghe tiếng Đạo Đèn,
Gần xa thiên hạ ngợi khen vô cùng.
Kẻ thời đến lãnh giấy thông,
Người thời đến lãnh phù ông đem về.”

Vào khoảng năm 1870, số tín đồ theo ông tu tập rất đông, mà đa số là người Việt (4) nên bị một số người gốc Khmer đi tố cáo với Pháp. Sau đó, ông bị Pháp bắt giam rồi kết án tù đày. Trong tù, quản ngục cho ông chăn heo hay chăn vịt, ông đều làm mà không một tiếng than van hay oán trách. Sau đó, người Pháp thấy ông không có biểu hiện gì liên quan đến việc chống đối, nên họ trả tự do cho ông. Sau khi ra tù, đức Phật Trùm lại tiếp tục thuyết pháp độ sinh, có khi ông được thỉnh lên tận Nam Vang để thuyết giảng Phật pháp. Ông qua đời vào ngày 13 tháng 3 năm Ất Hợi, 1875. Hiện ngôi mộ của đức Phật Trùm tọa lạc trên triền Núi Sà Lôn, một ngọn núi nhỏ trong ấp Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Ghi Chú:

(1) Theo Nguyễn Văn Hầu trong quyển “Sấm truyền Đức Phật Thầy Tây An”, Sài Gòn, 1973, tr.33, trong bia mộ của ông ở Núi Sam, Châu Đốc, có câu : “Tự Lâm Tế chư thiên gia phổ tam thập bát thế, thượng Pháp hạ Tạng tánh Đoàn, pháp danh Minh Huyền, đạo hiệu giác linh chi miễn tọa.” Chữ “Minh” trong tên của ngài ứng theo thứ tự đời thứ 38 trong bài kệ truyền pháp của dòng Thiền Lâm Tế Xứ Đàng Trong: “Đạo Bản Nguyên Thành Phật Tổ Tiên Minh Như Hồng Nhựt Lê Trung Thiên...”

(2) Bà Néang Suông, tự xưng là con cháu của đức Phật Trùm cho biết đức Phật Trùm có để lại một cuốn kinh bằng tiếng Việt, nhưng Tà-Sao là

cháu của ngài đã đem nạp cho Pháp, bởi vậy hiện nay chúng ta không còn di cảo của ngài, mà chỉ còn lại những nội dung truyền miệng mà thôi.

(3) Lòng phái là một miếng giấy vàng, có khi giấy bạch, trên đó có in 4 chữ Bửu Sơn Kỳ Hương bằng son tàu. Người nhận lãnh tin tưởng là nhờ Lòng Phái sẽ được mạnh khỏe, tránh được tà ma, tai nạn, nên họ giữ rất cẩn thận và luôn mang theo bên mình.

(4) Sau khi ông qua cơn hôn mê, tự dung ông có khả năng thuyết pháp bằng tiếng Việt, nên được rất nhiều người Việt quy tụ bên ông tu tập. Trong khi đó, người gốc Khmer lại không hiểu được ông, nên có một số trong họ đi tố cáo với chính quyền thực dân Pháp là ông mượn chuyện Đạo, chuyện trị bệnh để quy tụ và cổ xúy dân chúng nổi loạn.



Hình 1: Vùng núi rừng, quê hương của đức Đức Phật Trùm tại ấp Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), ảnh 2015.



Hình 2: Vùng núi rừng, quê hương của đức Đức Phật Trùm tại ấp Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), ảnh 2015.



Hình 3: Vùng núi rừng, quê hương của đức Đức Phật Trùm tại ấp Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), ảnh 2015.



Hình 4: Vùng núi rừng, quê hương của đức Đức Phật Trùm tại ấp Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), ảnh 2015.



Hình 5: Vùng núi rừng, quê hương của đức Đức Phật Trùm tại ấp Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), ảnh 2015.



Hình 6: Ngôi nhà của đức Phật Trùm, nay trở thành nơi thờ cúng ông, ảnh 2015.



Hình 7: Bàn thờ Phật Trùm tại nhà đức Phật Trùm ở Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), ảnh 2015.



Hình 8: Vị trí Cội Tùng khi xưa đức Phật Trùm đã giảng pháp tại nhà ông ở vùng Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), ảnh 2015.



Hình 9: Quang cảnh ngày lễ Kỳ Giỗ đức Phật Trùm tại khu nhà của ông ở vùng Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), ảnh 2015.



Hình 10: Quang cảnh ngày lễ Kỳ Giỗ đức Phật Trùm tại khu nhà của ông ở vùng Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), ảnh 2015.



Hình 11: Quang cảnh ngày lễ Kỳ Giỗ đức Phật Trùm tại khu nhà của ông ở vùng Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), ảnh 2015.



Hình 12: Quang cảnh ngày lễ Kỳ Giỗ đức Phật Trùm tại khu nhà của ông ở vùng Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), ảnh 2015.



Hình 13: Đường ra khu mộ của gia đình đức Phật Trùm tại khu nhà của ông ở vùng Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), ảnh 2015.



Hình 14: Khu mộ của gia đình đức Phật Trùm tại khu nhà của ông ở vùng Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), ảnh 2015.



Hình 15: Khu mộ của gia đình đức Phật Trùm tại khu nhà của ông ở vùng Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), ảnh 2015.



Hình 16: Khu mộ của gia đình đức Phật Trùm tại khu nhà của ông ở vùng Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), ảnh 2015.



Hình 17: Ngôi mộ của ông Phật Trùm trên triền Núi Sà Lôn, huyện Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), ảnh 2015.



Hình 18: Tranh vẽ đức Phật Trùm đang giảng Phật Pháp tại khu nhà của ông ở vùng Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), ảnh 2015.



Hình 19: Tranh vẽ đức Phật Trùm đang giảng Phật Pháp tại khu nhà của ông ở vùng Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), ảnh 2015.

XII

NHỮNG VỊ SAU THỜI ĐỨC PHẬT THẦY TÂY AN (P-2)

II. SƯ VÃI BÁN KHOAI

Như trên đã nói, căn cứ theo lời truyền miệng từ các tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật Giáo Hòa Hảo, sau khi đức Phật Thầy Tây An, Đoàn Văn Huyền (1807-1856) (1) mất, ông sẽ chuyển thêm bốn đời nữa để tiếp tục giáo hóa chúng sinh, đó là đức Phật Trùm, đức Bốn Sư Ngô Lợi, Sư Vãi Bán Khoai và đức Thầy Huỳnh Phú Sổ. Hiện nay chúng ta không có tài liệu xác thực về tên họ, năm sinh, năm mất cũng như bản quán của Sư Vãi Bán Khoai. Căn cứ vào phong cách thuyết giảng độ sinh và những lời sám giảng của ông, người ta tin rằng ông là chuyển kiếp thứ ba của đức Phật Thầy Tây An để tiếp tục công việc hoằng hóa người đời ở miền Tây Nam của vùng Đất Phương Nam.

Sau khi đức Bốn Sư Ngô Tự Lợi qua đời khoảng 11 năm thì ông Sư Vãi Bán Khoai xuất hiện, khoảng những năm 1901 hay 1902, lúc mà chính quyền thực dân còn đang ra sức khủng bố và đàn áp gắt gao cả kháng chiến quân, lẫn tín đồ của mọi giáo phái không phải là Thiên Chúa giáo. Hiện nay chúng ta không có tư liệu xác thực về thân thế và thuở thiếu thời của Sư Vãi Bán Khoai, chỉ nghe các bậc kỳ lão địa phương nói theo ông bà họ kể lại thì Sư Vãi Bán Khoai tên thật là Mỹ, không rõ họ gì, cũng không ai biết rõ quê quán và lai lịch tổ tiên như thế nào. Người ta nói Sư Vãi Bán Khoai có vợ và sinh được hai người con sinh sống ở vùng kinh Vĩnh Tế. Để tránh sự truy nã của Pháp, nên ông truyền giáo bằng phương pháp luôn đổi dạng thay hình, khi thì làm người bán củi, lúc làm người bán khoai; ông luôn xung khùng xung điên, đi khắp hết nơi này đến chốn nọ để khuyến hóa dân chúng lo tu hành, niệm Phật và ông hãy còn để lại 1 quyển Sám Giảng có tựa đề là “Sám Giảng Đời Người” khuyến hóa dân chúng tu hành niệm Phật, gồm 11 chương cả thầy, được viết theo dạng thơ.

Sư Vãi Bán Khoai có hình dáng nhỏ thỏ và thường chở ghe khoai lui tới vùng Vĩnh Gia, thuộc kinh Vĩnh Tế ở Châu Đốc. Trước ngực ông thường mang một cái yếm, giống như những người làm việc trong bếp hay trong nhà trừ vậy, hay cũng giống như một Cô Vãi vậy. Mỗi khi ông trị bệnh cho ai, ông lại lấy ngay miếng yếm này xé ra cho bệnh nhân. Dân chúng trong vùng thường gọi ông là Ông Sư Vãi. Vào khoảng năm Tân Sửu, 1901 và năm Nhâm Dần, 1902, ông thường lên kinh Vĩnh Tế

và qua Cao Miên với ghe khoai, đi bán đó đây, rồi tùy cơ khuyên người đời nên làm thiện tránh ác. Nên từ đó ông được người đương thời gọi ông là Sư Vãi Bán Khoai. Theo truyền thuyết, ông có nhiều pháp thuật và võ nghệ rất cao cường. Mỗi khi niệm kinh, ông không cần sử dụng đến mõ, mà chỉ cần lấy cây gỏ vào những chiếc móng tay của mình cũng phát ra tiếng kêu lóc cóc của mõ. Có lúc ông về miệt Vĩnh Thông, ngày ngày đi nhô bàng về dệt dệt. Lúc này có nhiều truyền thuyết về võ nghệ cao cường của ông. Truyện kể, một hôm ông đang cầm mác đi cắt bàng trong đồng, bỗng nghe có tiếng người lẫn tiếng cọp la hét vang rần gần đó. Ông liền cầm mác chạy tới thì thấy một người cùng xóm tên Mạnh đang dùng một thế võ, hai tay nắm chặt bốn chân của cọp và đội thẳng bụng của cọp trên đầu, nhưng vì cọp quá mạnh nên ông Mạnh không đập nó xuống đất được, mà cũng không dám thả nó ra. Thấy vậy, Sư Vãi Bán Khoai liền nhảy chồm tới, vươn mình lên thật cao, hét lên một tiếng rồi chém sả xuống một cái thật mạnh trên thân cọp, cọp bị đứt làm đôi, nhưng ông Mạnh thì không hề hấn gì. Tuy nhiên, đây chỉ là truyền thuyết của các bậc kỳ lão địa phương, chứ không có tài liệu nào minh chứng về sự kiện này, nhưng dấu sao sự kiện này cũng chứng tỏ dân địa phương rất nể phục võ nghệ của Sư Vãi Bán Khoai. Lúc này ông thường dùng lời lành để khuyên tấn dân chúng trở về đường tu như:

“Hư nên các việc tỏ bày,
 Tôi không có ép có nài chi ai.
 Thương thay ông lão bán khoai,
 Lên non xuống núi hôm mai dạy đời.
 Thân sao nay đổi mai dời,
 Xóm kia làng nọ khổ thay thân già!
 Nam Mô Đức Phật Di Đà,
 Khiến người trở lại thảo gia của người.
 Bạc bảy đầu sánh vàng mười,
 Hiền lương đâu xứng với người hung hăng.
 Khùng như Sư Vãi ai bằng,
 Khôn như bọm bãi nhiều thằng mang gông.
 Lời khuyên khắp hết tây đông,
 Chùng nào hết cá dưới sông, hết đời.”

Như trên đã nói, giáo pháp của Sư Vãi Bán Khoai cũng gần giống như giáo pháp của Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, ngoài chuyện khuyên đời hướng thiện, Sư Vãi còn nhắc nhở đến bốn trọng ân, trong đó có ân đất nước bao gồm bốn phận làm người dân trong một nước. Chính vì vậy mà những lời thuyết giảng của Sư Vãi Bán Khoai luôn gợi lên lòng trung quân ái quốc. Sư Vãi Bán Khoai đã từng rày đây mai đó giúp trị bệnh

cho bá gia bá tánh trong những đợt dịch bệnh hoành hành khắp các vùng Đất Phương Nam. Qua đó, ngài đã phổ biến tín điều và giáo lý “Tứ Ân”, chủ yếu nhằm khôi phục lại những nguyên tắc căn bản của đạo làm người trong thời buổi nhiễu nhương của đất nước. Cho nên những lời thuyết giảng của ông luôn mang đậm nét giá trị truyền thống dân tộc hơn là một triết thuyết tôn giáo. Chẳng hạn như trong bài sám giảng sau đây:

“Niệm Phật thì phải chí tình,
 Ơn cha nghĩa mẹ giữ mình cân phân.
 Niệm Phật phải giữ Tứ Ân,
 Ơn nhà nợ nước xử phân trọn nghì.”
 “Thảo cha ngay chúa xưa nay,
 Dầu mà có thác miếu son tạc thờ.
 Xem trong các truyện các thơ,
 Nịnh thần có thác, miếu thờ ở đâu!”

Sư Vãi Bán Khoai còn để lại cho đời một bộ “Sám Giảng Đòi Người”, gồm 11 quyển, với mục đích dạy người làm lành lánh dữ và trung nghĩa với dân với nước. Hiện bộ sám giảng của Sư Vãi Bán Khoai vẫn còn được truyền tụng. Ngoài việc khuyên đời tinh thân thiện niệm, Sư còn nhắc nhở bổn phận làm người, và luôn gọi lên tấm lòng trung quân ái quốc cho mọi người, nhất là những tín đồ nào tin tưởng và tu tập nơi giáo pháp Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Sám giảng của Sư Vãi Bán Khoai còn nhằm phác họa một thế giới Hạ Ngươn đầy dẫy những tai ương chết chóc. Muốn tránh được tai họa và có được cảnh sống bình yên hạnh phúc ở đời Thượng Ngươn thì phải cố gắng tu tâm dưỡng tánh. Sau đây là một vào trích đoạn trong bộ “Sám Giảng Đòi Người” của Sư Vãi Bán Khoai:

“Nào khi Sư Vãi Bán Khoai,
 Trên kênh Vĩnh Tế, ai ai cũng làm.
 Mặt cần tôi chẳng biết cần,
 Quê mùa già cả, âm thầm biết chi...
 ... Ai mà lòng quý dạ yêu,
 Tham tiền, thích ác có siêu bao giờ.
 Sư đã có dạ đợi chờ,
 Rao cho bá tánh trên bờ dưới sông.
 Tu hành như buổi chợ đông,
 Lao xao một thuở, sao không giữ gìn?...
 ...Bây giờ hướn dãi không lo,
 Đến cơn bất loạn nằm co kêu Trời.
 Bấy lâu dạy chẳng nghe lời,
 Để cho ác thú trên trời xuống ăn.
 Đoái nhìn lửa cháy tứ giăng,

Trên non chín động binh chẵn kéo ra.
 Lao xao kẻ khóc người la,
 Cong lưng mà chạy biết ra ngã nào?
 Bởi vì thiên hạ hỗn hào,
 Cho nên Trời khiến ào ào như giông.
 Kẻ thời chết đói dưới sông,
 Người thời rấn cắn đầy đồng làng khang.
 Ở sao chẳng nghĩ xóm làng,
 Đua nhau rượu thịt, nghinh ngang chơi bời.
 Sư già giáo huấn hết lời,
 Để cho bá tánh rõ đời Hạ Nguơn.”

Về sau này, người ta không còn tung tích gì về ông nữa; ông mất tích, cũng bí mật như lúc ông xuất hiện. Người ta không biết ông mất ở đâu và vào năm nào, chỉ biết về sau này ông có lần Cù Lao Ông Chương ở Long Xuyên, rồi trở về Núi Cấm. Chỉ trong Tân Sửu, 1901 và năm Nhâm Dần, 1902, người ta còn nghe thấy ông vân du hoằng hóa người đời, nhưng những năm sau này không còn ai nghe nói gì đến ông nữa. Tuy nhiên, hiện ở Bến Tre còn ngôi đền và mộ của Sư Vãi Bán Khoai, nhưng nơi này lại không có tài liệu nào viết về thân thế và sự nghiệp của người tên Huỳnh Phú Minh, pháp danh Sư Vãi Bán Khoai này. Trên bia mộ có ghi: Sư Vãi Bán Khoai, sinh năm 1898, mất lúc 21 giờ đêm ngày mùng 10 tháng hai năm Đinh Dậu, 1957, hưởng dương 59 tuổi. Theo những cư dân lâu đời của huyện Mỏ Cày, thì ban đầu người ta an táng ông Huỳnh Phú Minh ở Cầu Móng, Bến Tre, về sau này mới cải táng về xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre. Một chi tiết rất quan trọng là khi Sư Vãi Bán Khoai vùng Châu Đốc đang hồi hoằng hóa tại vùng kênh Vĩnh Tế vào khoảng những năm 1901 hay 1902, nghĩa là ít gì thì ông cũng phải từ 15 đến 20 tuổi; trong khi lúc đó ông Huỳnh Phú Minh chỉ mới 3 hay 4 tuổi thôi. Theo thiện ý của người viết bài này, đây là tên của một người cũng Pháp danh là Sư Vãi Bán Khoai khác, nhưng có tên là Huỳnh Phú Minh, chứ không phải là ông Sư Vãi Bán Khoai có tên là Mỹ đã biệt tăm từ năm 1902. Như vậy, ông Sư Vãi Bán Khoai ở Châu Đốc không thể nào là ông Huỳnh Phú Minh cũng có pháp danh là Sư Vãi Bán Khoai ở Bến Tre được!

Ghi Chú:

(1) Giáo Sư Nguyễn Văn Hầu trong quyển Nửa Tháng Trong Miền Thất Sơn, Sư Vãi Bán Khoai tên là Mỹ, không biết họ, có vợ và sinh được hai người con.



Hình 1: Chiếc ghe của Sư Vãi Bán Khoai được lưu giữ tại ngôi thờ Thầy Sư Vãi Bán Khoai tại Cầu Mông, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cây Nam, tỉnh Bến Tre, hình 2019.



Hình 2: Mộ Sư Vãi Bán Khoai tại Cầu Mông, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cây Nam, tỉnh Bến Tre, hình 2019. Tương cũng nên nhắc lại, theo dân chúng trong vùng Long Xuyên-Châu Đốc, Sư Vãi Bán Khoai chỉ Vân du vừa đi bán khoai vừa giảng dạy và hoàng hoá người đời cho tới những năm Tân Sửu 1901 và năm Nhâm Dần, 1902, nhưng những năm sau này không còn ai nghe nói gì đến ông nữa. Có người nói ông đã vào Núi Cẩm tu hành và thị tịch trong núi. Tuy nhiên, hiện ở Bến Tre còn ngôi đền và mộ của Sư Vãi Bán Khoai, rất có thể đây chỉ là trùng hợp, chứ 2 vị này hoàn toàn khác nhau (?).



Hình 3: Mộ Sư Vãi Bán Khoai tại Cầu Mống, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cây Nam, tỉnh Bến Tre, hình 2019. Tường cũng nên nhắc lại, theo dân chúng trong vùng Long Xuyên-Châu Đốc, Sư Vãi Bán Khoai chỉ Vân du vừa đi bán khoai vừa giảng dạy và hoằng hoá người đời cho tới những năm Tân Sửu 1901 và năm Nhâm Dần, 1902, nhưng những năm sau này không còn ai nghe nói gì đến ông nữa. Có người nói ông đã vào Núi Cẩm tu hành và thị tịch trong núi. Tuy nhiên, hiện ở Bến Tre còn ngôi đền và mộ của Sư Vãi Bán Khoai, rất có thể đây chỉ là trùng hợp, chứ 2 vị này hoàn toàn khác nhau (?).



Hình 4: Mộ Sư Vãi Bán Khoai tại Cầu Mống, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cây Nam, tỉnh Bến Tre, hình 2019. Tường cũng nên nhắc lại, theo dân chúng trong vùng Long Xuyên-Châu Đốc, Sư Vãi Bán Khoai chỉ Vân du vừa đi bán khoai vừa giảng dạy và hoằng hoá người đời cho tới những năm Tân Sửu 1901 và năm Nhâm Dần, 1902, nhưng những năm sau này không còn ai nghe nói gì đến ông nữa. Có người nói ông đã vào Núi Cẩm tu hành và thị tịch trong núi. Tuy nhiên, hiện ở Bến Tre còn ngôi đền và mộ của Sư Vãi Bán Khoai, rất có thể đây chỉ là trùng hợp, chứ 2 vị này hoàn toàn khác nhau (?).



Hình 5: Mộ Sư Vãi Bán Khoai tại Cầu Mông, xã Hương Mỹ, huyện Mộ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, hình 2019. Tường cũng nên nhắc lại, theo dân chúng trong vùng Long Xuyên-Châu Đốc, Sư Vãi Bán Khoai chỉ Vân du vừa đi bán khoai vừa giảng dạy và hoằng hoá người đời cho tới những năm Tân Sửu 1901 và năm Nhâm Dần, 1902, nhưng những năm sau này không còn ai nghe nói gì đến ông nữa. Có người nói ông đã vào Núi Cẩm tu hành và thị tịch trong núi. Tuy nhiên, hiện ở Bến Tre còn ngôi đền và mộ của Sư Vãi Bán Khoai, rất có thể đây chỉ là trùng hợp, chứ 2 vị này hoàn toàn khác nhau (?).



Hình 6: Bàn thờ trong khu mộ của Sư Vãi Bán Khoai tại Cầu Mông, xã Hương Mỹ, huyện Mộ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, hình 2019.



Hình 7: Bàn thờ trong khu mộ của Sư Vãi Bàn Khoai tại Cầu Mông, xã Hương Mỹ, huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre, hình 2019.



Hình 8: Bàn thờ trong khu mộ của Sư Vãi Bàn Khoai tại Cầu Mông, xã Hương Mỹ, huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre, hình 2019.



Hình 9: Bàn thờ trong khu mộ của Sư Vãi Bán Khoai tại Cầu Mông, xã Hương Mỹ, huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre, hình 2019.



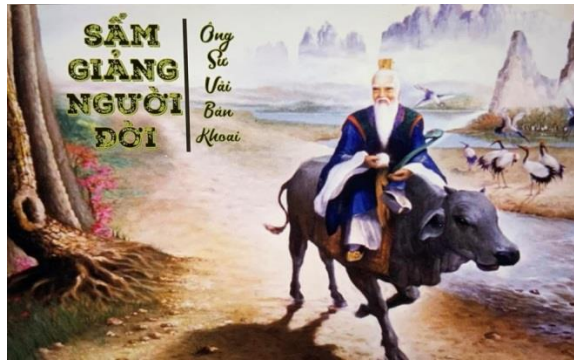
Hình 10: Quang cảnh dân địa phương tới thăm viếng khu Mộ Sư Vãi Bán Khoai tại Cầu Mông, xã Hương Mỹ, huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre, hình 2019.



Hình 11: Quang cảnh dân địa phương tới thăm viếng khu Mộ Sư Vãi Bán Khoai tại Cầu Mông, xã Hương Mỹ, huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre, hình 2019.



Hình 12: Quang cảnh dân địa phương tới thăm viếng khu Mộ Sư Vãi Bán Khoai tại Cầu Mống, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cây Nam, tỉnh Bến Tre, hình 2019.



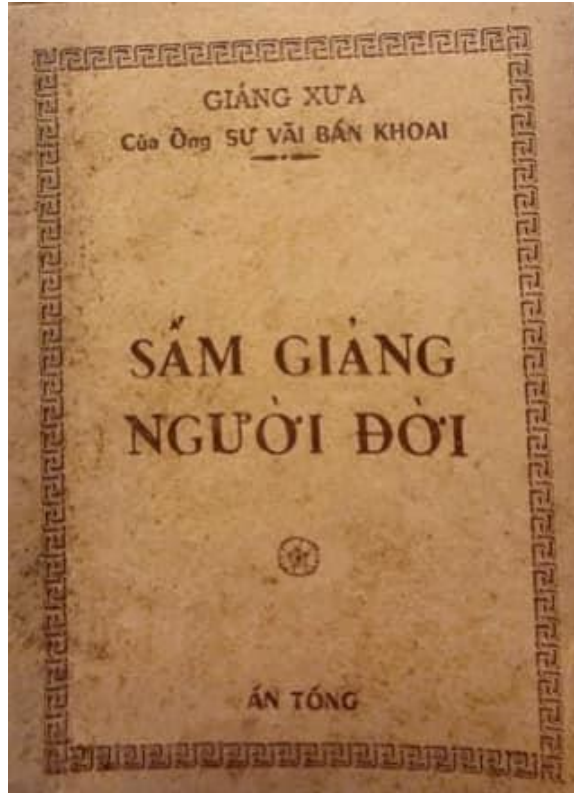
Hình 13: Tranh vẽ Sư Vãi Bán Khoai được lưu giữ tại ngôi nhà thờ Thầy Sư Vãi Bán Khoai tại Cầu Mống, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cây Nam, tỉnh Bến Tre, hình 2019.



Hình 14: Tranh vẽ Sư Vãi Bán Khoai được lưu giữ tại ngôi nhà thờ Thầy Sư Vãi Bán Khoai tại Cầu Mống, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cây Nam, tỉnh Bến Tre, hình 2019.



Hình 15: Tranh vẽ Sư Vãi Bán Khoai được lưu giữ tại ngôi nhà thờ Thầy Sư Vãi Bán Khoai tại Cầu Mống, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cây Nam, tỉnh Bến Tre, hình 2019.



Hình 16: Quyển Sắm Giảng Đời Người của Sư Vãi Bán Khoai được lưu giữ tại ngôi nhà thờ Thầy Sư Vãi Bán Khoai tại Cầu Mống, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cây Nam, tỉnh Bến Tre, hình 2019.

XIII

TỨ AN HIẾU NGHĨA & BỒN SƯ NGÔ TỰ LỢI (P-1)

CUỘC TRƯỜNG KỲ KHÁNG CHIẾN CỦA BỒN SƯ NGÔ TỰ LỢI Từ 1867 ĐẾN 1890 (P-1)

Căn cứ theo lời truyền miệng từ các tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật Giáo Hòa Hảo, sau khi đức Phật Thầy Tây An, Đoàn Văn Huyên (1807-1856) (1) mất, ông sẽ chuyển thêm bốn đời nữa để tiếp tục giáo hóa chúng sinh, đó là đức Phật Trùm, đức Bồn Sư Ngô Lợi, Sư Vải Bán Khoai và đức Thầy Huỳnh Phú Sổ. Đức Bồn Sư tên thật là Ngô Tự Lợi (1831-1890), có sách ghi là Ngô Viện, còn gọi là ông Năm Thiếp, mà người dân vùng Ba Chúc thường gọi là đức Bồn Sư Ngô Lợi, sinh ngày mùng 5 tháng 5 năm Tân Mão, 1831 tại làng Trà Tân, Mỹ Tho, nay thuộc tỉnh Tiền Giang (có sách ghi là huyện Mỏ Cây, tỉnh Bến Tre). Cha ông tên Ngô Nhân (?-1937), làm nghề thợ mộc; mẹ tên Phạm Thị Xuyên, gốc người Bình An tỉnh Định Tường, nay là tỉnh Tiền Giang. Không có tài liệu nói về cuộc đời của ngài từ buổi thiếu thời đến lúc trưởng thành. Tương truyền từ nhỏ cho đến lúc trưởng thành, Ngô Tự Lợi không có biểu hiện gì khác lạ, chỉ biết đến năm ngài 20 tuổi, tức năm 1851, tự nhiên ngài viết một bài Kinh Đà La Ni với 223 chữ Hán, chữ viết lại đẹp như rồng bay phượng múa. Nội dung bài kinh xưng tán đức Bồ Tát Quán Thế Âm, và từ đó ngài bắt đầu khuyên bá gia bá tánh nên tu hành. Về sau này, nó trở thành một bộ kinh quan trọng trong Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

Đến năm Đinh Mão, 1867, năm ông 37 tuổi, vào ngày mùng 5 tháng 5 năm Đinh Mão, tự nhiên ông đi vào hôn mê trong bảy ngày đêm, tưởng ông đã chết, nhưng còn lại chút hơi ấm nơi chân thủy, nên gia đình không thể tẩn liệm đem chôn được. Thế rồi sau 7 ngày, ông tỉnh lại mà lại có những hành động khác thường, như là đã rũ sạch lòng trần và chứng đắc đạo quả. Lúc này ông trở thành người “Giải thoát tẩy trần tâm, giáo nhơn từng thiện đạo”, có nghĩa là lòng trần đã rũ sạch, dạy người theo đạo lành. Từ đó ông bắt đầu truyền dạy cho tín đồ một số phương pháp tu hành. Trong Hiếu Nghĩa Kinh có một đoạn kể lại chuyện ông đi thiếp bảy ngày đêm như sau:

“Trở lại năm Đinh Mão, đúng ngày Ngọ tháng năm,
Ta trở mình lia tục, hôn mê bảy ngày đêm.
Bỗng nhiên hồi tỉnh dậy, giải thoát sạch lòng trần,

Dạy người theo đạo thiện, giáo truyền khắp muôn dân.”

Và cũng kể từ đó, thỉnh thoảng ông lại thiếp đi vài hôm rồi tỉnh lại như thường, nên người thời đó gọi ông là “Ông Năm Thiếp”, còn người trong Đạo thì gọi ông là Đức Bồn Sư. Tương truyền, hồi đó mỗi lần ông đi thiếp xong, thường nói về chuyện quá khứ và đoán định việc tương lai, nên được nhiều người tin theo. Từ đó về sau, người trong bốn đạo cho rằng ngày mùng 5 tháng 5 năm Đinh Mão, 1867 chính là ngày tháng năm khai sáng Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Và cũng từ đó, đức Bồn Sư Ngô Tự Lợi trở thành vị sáng lập ra Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa (2), thành lập trong thời kỳ thực dân Pháp đánh chiếm các tỉnh miền Tây Nam Kỳ, khoảng năm 1867. Sau khi quân Pháp cưỡng chiếm Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên vào năm 1867, phong trào kháng chiến chống Pháp rộ lên ở khắp mọi nơi. Không riêng gì những sĩ phu và tướng lãnh yêu nước nổi lên chống Pháp, mà ngay cả những nông dân ở vùng đất phương Nam không cam tâm làm nô lệ cho giặc nên đã đứng lên đánh Tây. Ngay cả những lãnh tụ kháng chiến yêu nước đều lãnh đạo nông dân đứng lên chống giặc. Riêng ở miền Tây Nam Phần thời đó, Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương đang trong thời kỳ phát triển rất mạnh. Trong tinh thể đó Đạo Sư Ngô Lợi, người sáng lập đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, một người giàu lòng yêu quê hương xứ sở. Ông là một trong những đại đệ tử của ông Trần Văn Thành (3), một đệ tử lớn của đức Phật Thầy Tây An bên Bửu Sơn Kỳ Hương. Ông đã đứng ra liên kết với những lãnh tụ khác như Nguyễn Thành Đa, tức Cử Đa, Bùi Văn Tăng, tức Đình Tăng, Nguyễn Trung Trực, Trương Công Định, Nguyễn Hữu Huân, vân vân, để cùng mộ quân kháng chiến chống Pháp.

Năm 1870, ông chính thức phát phái (4) cho những ai tu tập trong môn phái của mình. Hai năm sau, nhằm ngày rằm tháng Giêng năm Nhậm Thận, 1872, ông bắt đầu cho hợp ghe thuyền lại và hướng dẫn tín đồ của mình lên vùng Thất Sơn để khai khẩn hoang địa lấy đất trồng trọt. Ông cùng một số rất đông bốn đạo đến cất chùa ở Cù Lao Ba làm cơ sở truyền đạo, nay là xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Đồng thời, vì lúc này giặc Pháp đã chiếm trọn Nam Kỳ, dân tình đang sống trong điêu linh khổ sở, nên ông cũng muốn về đây lập căn cứ chờ ngày có đây đủ thực lực sẽ khởi nghĩa chống Pháp. Tại đây, Bồn Sư Ngô Tự Lợi đã đi nhiều nơi trị bệnh, nhất là trận dịch bệnh hoành hành dữ dội vào năm 1876. Từ đó tiếng tăm của ông vang dội khắp nơi, chỉ trong vòng chưa đầy một năm, ông và các tín đồ của mình đã dựng lên nhiều thôn xóm khang trang như thôn An Định trên Núi Tượng (5) vào năm 1876, thôn An Hòa trên Núi Dài vào năm 1882, những thôn An Thành và An Lập vào năm 1883. Các thôn đều nằm kề nhau và để có chỗ dựa tinh

thần, ông còn cho xây dựng đình, chùa và miếu để có nơi dẫn dạy cho đồ chúng tu hành.

Tôn chỉ của phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa cũng học Phật, nhưng đức Bổn Sư Ngô Lợi không đi sâu vào triết lý thâm áo của Phật giáo mà chỉ chú trọng đến nhân quả, báo ứng, họa phúc, cứu khổ, cứu nạn nhân tiên mà thôi. Giáo lý của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa cũng giống như Tứ Trọng Ân trong Phật Giáo: Thứ nhất là Ân Tam Bảo, vì nhờ Phật mở đạo mà ta rõ thấu được Kinh, Luật, Luận và dễ bề tu học. Nhờ Pháp của Phật mà ta có thể tu trì giới định huệ và chứng ngộ. Nhờ chư Tăng tiếp nối hoằng đạo, soi sáng cái đạo lý chân thật của Đức Từ Phụ mà ta mới có cơ hội biết đến đạo lý. Thứ nhì là Ân cha mẹ Thầy tổ, vì nhờ cha mẹ sanh ta ra và nuôi nấng dạy dỗ nên người; nhờ thầy tổ chỉ dạy giáo lý cho ta đi vào chánh đạo. Bổn phận ta chẳng những phải cung kính, phụng sự những bậc này, mà còn cố công tu hành cầu cho các vị ấy sớm được giải thoát. Thứ ba là Ân thiện hữu tri thức hay những người đồng đạo tốt, vì nhờ thiện hữu tri thức mà ta có nơi nương tựa trên bước đường tu tập đầy chông gai khó khăn. Thứ tư là Ân đất nước, đồng bào và chúng sanh, vì chúng ta thọ ơn đất nước, đồng bào và chúng sanh rất lớn. Không có đất nước, không có chúng sanh, thì làm gì có nơi cho nhiều thế hệ tổ tiên chúng ta rồi đến chúng ta và nhiều nhiều nữa những thế hệ con cháu sau này có nơi dung thân. Không có đồng bào thì làm gì có người thợ mộc cất nhà cho chúng ta ở hay bàn ghế thường dùng; không có bác nông phu ta lấy gạo đâu mà ăn để sống; không có người thợ dệt, ta lấy quần áo đâu để che thân, vân vân. Ta phải luôn siêng năng làm việc và học đạo, mong cầu cho nhứt thiết chúng sanh đều được giải thoát.

Chính vì vậy mà trong Tứ ân thì đức Bổn Sư Ngô Lợi nhấn mạnh đến một con người đang tu nhân phải luôn nhớ đến ân đất nước. Trong lúc đất nước đang bị xâm lăng dưới gót giày của bọn thực dân xâm lược, mọi người phải đứng lên đánh đuổi cho tới khi nào không còn một bóng quân xâm lăng, chừng đó thì đồng bào mới yên nơi yên chỗ mà tu hành. Để tránh bị thực dân Pháp dòm ngó theo dõi, đức Bổn Sư gọi đạo của ngài là “Đạo Thờ Ông Bà”. Tất cả bà con trong đạo đều là những người tu tại gia, để tóc để râu. Ngoài ra, cũng giống như Bửu Sơn Kỳ Hương, bổn sư Ngô Lợi còn chủ trương đem Đạo Phật vào đời, truyền bá sâu rộng trong quần chúng, bài trừ mê tín dị đoan và giản dị hóa tất cả những nghi thức rườm rà trong việc hành lễ và hành đạo. Ông chủ trương không xây dựng chùa miếu, mà lại thiết lập nhiều trại ruộng quy tụ dân chúng khai hoang lập ấp. Theo đó, người nông dân có thể vừa làm ruộng mà cũng có thể vừa tu hành an lạc. Hiện nay giáo lý và phương thức hành đạo của Phật Giáo Hòa Hảo có nhiều điểm tương đồng với tông phái Bửu

Sơn Kỳ Hương của đức Phật Thầy Tây An và Tứ Ân Hiếu Nghĩa của Đạo sư Ngô Lợi trước kia. Đạo Sư không trụ lại tại bất cứ ngôi chùa nào, mà Thầy luôn đạo khắp các miền sông nước núi non, khai hoang địa lập trại ruộng, mở rộng diện tích canh tác cho dân chúng, giúp dân nghèo được an cư lạc nghiệp. Ông dẫn tín đồ vào núi Tượng (6) để khai hoang mở đất, lập nên các trại ruộng, thành lập bốn làng An Định, An Hòa, An Thành và An Lập (7). Vì sau các cuộc khởi nghĩa bộc phát như Nguyễn Trung Trực, Võ Duy Dương, Trương Công Định, Nguyễn Hữu Huân... bị đàn áp đẫm máu, đạo sư Ngô Lợi quyết định xây dựng những an toàn khu chuẩn bị cho công cuộc lâu dài hơn. Thực chất của việc “trảm thảo khai sơn (8)” là thành lập một căn cứ địa, vừa là một khu an toàn, mà cũng vừa là khu sản xuất lương thực thực phẩm, cũng như đóng góp tài chánh vào việc mua quân trang quân dụng và vũ khí cho kháng chiến quân.

Dẫu những trại ruộng chỉ mới được thành lập từ năm 1867 đến năm 1876, nghĩa là chưa đầy 10 năm, tín đồ từ các nơi theo về rất đông. Lúc này các độc giảng đường (9) tại các vùng An Định, An Hòa, An Thành, và An Lập, giảng giáo lý Tứ Ân cho những thành viên vào mỗi tối, nhờ giáo lý Tứ Ân này mà lòng người lúc nào cũng mong muốn đáp đền được phần nào hay phần ấy, nhất là hai trọng ân đất nước và đồng bào. Những thành viên trong trại ruộng luôn hăng say làm việc và cùng nhau tích lũy lương thực, rèn luyện khí giới dưới sự chỉ huy của lãnh tụ tôn giáo là Bôn Sư Ngô Lợi. Lúc đó toàn vùng Ba Chúc (5) được bố trí canh phòng vô cùng cẩn mật, và việc luyện tập cũng được giữ bí mật tối đa để tránh sự theo dõi của người Pháp. Bây giờ nhìn lại cách tổ chức của các trại ruộng quả là tươm tất. Phải chi ngày đó mà nghĩa binh Việt Nam có đủ súng ống như giặc Tây, thì cục diện chắc chắn đã khác hơn nhiều. Bốn làng An Định, An Hòa, An Thành, và An Lập ngày đó vừa là căn cứ của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, mà cũng vừa là cứ địa lớn có tầm cỡ của phong trào kháng chiến trên vùng đất phương Nam.

Ghi Chú:

(1) Có sách ghi Ngô Lợi là người ở huyện Mỹ Cày, Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long, ngày nay thuộc tỉnh Bến Tre.

(2) Theo đức tin, những người theo Đạo Tứ Ân Hiếu nghĩa thời bấy giờ và vẫn còn lưu truyền cho đến ngày nay đều tin rằng: “Đến một ngày nào đó sẽ có một tiếng nổ vang trời xé núi Cẩm, trong vùng Thất Sơn ở An Giang, ra làm hai, trong đó sẽ hiện ra cung sơn điện ngọc, nơi diễn ra Hội Long Hoa. Vào ngày tận thế ấy, chỉ có những người nào theo đạo Tứ Ân Hiếu nghĩa, con của Phật Trời, mới sống sót mà thôi. Lúc đó một đấng

Minh Vương sẽ lập lại đời thượng nguon, lập nên cuộc sống an lạc thái bình.” Đây là niềm tin tôn giáo, tuy nhiên, có nhiều người cho rằng Hội Long Hoa là ẩn dụ của việc chấm dứt chế độ thuộc địa của thực dân Pháp, đó là ngày độc lập tự chủ cho dân tộc Việt Nam. Chính vì vậy mà những người theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa luôn nhập cuộc, đồng hành với những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm. Như vậy, ngoài hình thức là một tổ chức tôn giáo, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa cũng là một trong những ngọn cờ tiên phong trong công cuộc giành lại độc lập cho xứ sở.

(3) Một cao đồ của Bửu Sơn Kỳ Hương là Trần Văn Thành đã thành lập trại ruộng, tụ binh khởi nghĩa chống Pháp tại vùng Bảy Thưa, Láng Linh (1867-1873).

(4) Phát phái có nghĩa là phát thẻ tín đồ cho những người quy y theo đạo. trong đó ghi rõ điều luật phải tuân thủ như giữ 5 giới, trường trai, vân vân.

(5) Thôn An Định được Bồ Sư Ngô Lợi và các tín đồ của mình thành lập từ năm 1876, nhưng mãi đến năm 1881, chính quyền thực dân mới hợp thức hóa và xem đây như là một xã chính thức có tên trên bản đồ.

(6) Núi Tượng là một trong 7 ngọn núi ở vùng Thất Sơn, Châu Đốc. Vùng Núi Tượng có thung lũng rộng, nhiều hoang địa, có thể hai thác để trồng lúa. Khi bị địch tấn công có thể rút lui qua bên kia biên giới Cao Miên một cách dễ dàng.

(7) Ngày nay các làng An Định, An Hòa, An Thành và An Lập ngày trước được sáp nhập lại thành Ba Chúc, tỉnh An Giang.

(8) Trảm thảo khai sơn, nói theo các tín đồ Tứ Ân Hiếu nghĩa, là lập một căn cứ, chuẩn bị sẵn sàng cho công cuộc kháng chiến chống Pháp lâu dài.

(9) Độc Giảng Đường của Tứ Ân Hiếu Nghĩa là tiền thân của những nhà độc giảng của PGHH. Tuy nhiên, vào khoảng từ 1867 đến 1876, những độc giảng đường trong các trại ruộng này, ngoài chuyện giảng giáo lý, còn là nơi cho các lãnh tụ kháng chiến hội họp.



Hình 1: Đức Bốn Sư Ngô Tự Lợi đã từng là một sỹ phu yêu nước, sau cuộc khởi nghĩa thất bại ở Mỏ Cày (Bến Tre), ông cùng một số người khác hưởng ứng Hịch Cần Vương quy tụ nghĩa quân dưới danh nghĩa đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Ông quy tụ tín đồ động viên tinh thần yêu nước, tạo bình phong để tập hợp, mượn tôn giáo để chiến đấu chống thực dân Pháp, phối hợp với nghĩa quân Campuchia chống Pháp dọc theo hai bên biên giới Việt Nam-Campuchia. Tháng 5 năm 1885, ở Campuchia Hoàng thân Si Vo Tha khởi binh chống Pháp tại Kom Pong Chàm, lúc này ông Ngô Lợi ở núi Tượng phối hợp quân kháng chiến Campuchia đánh chiếm hai bờ kinh Vĩnh Tế, chiếm đồn Phú Thanh, làm chủ vùng Tịnh Biên, ảnh Internet (Google).



Hình 2: Một góc phố Ba Chúc tức thôn An Định xưa.
Phía cuối đường là Núi Tượng, ảnh 2015.



Hình 3: Cây dâu hàng trăm năm tuổi bên chân núi Tượng, thời Đức Bổn Sư Ngô Lợi thì nơi này hãy còn rừng rậm hoang vu, ảnh 2015.



Hình 4: Độc Giảng Đường đầu tiên của Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở Núi Tượng. Tượng cũng nên nhắc lại, Độc Giảng Đường của Tứ Ân Hiếu Nghĩa là tiền thân của những nhà độc giảng của PGHH. Tuy nhiên, vào khoảng từ 1867 đến 1876, những độc giảng đường trong các trại ruộng này, ngoài chuyên giảng giáo lý, còn là nơi cho các lãnh tụ kháng chiến hội họp. Năm 1870, Đức Bổn sư chính thức “phát phái” cho những người quy y theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Hai năm sau, ông tập hợp tín đồ đến vùng Thất Sơn để khai phá, trồng tía, lập thêm thôn xóm như thôn An Định tại núi Tượng, thôn An Hòa, An Thành. Để có chỗ dựa tinh thần, ông cất một số cơ sở chùa chiền để chúng dân có chỗ tu hành, ảnh 2015.



Hình 5: Đường vào Phi Lai Tự và Tam Bửu Tự,
Tổ đình Tứ Ân Hiếu Nghĩa, ảnh 2015.



Hình 6: Chùa Phi Lai Chùa Phi Lai, một tự viện danh tiếng của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa và là một di tích lịch sử kháng chiến của Việt Nam. Chùa Phi Lai nằm đối diện chùa Tam Bửu, tổ đình của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, cách núi Tượng khoảng 200m về hướng Đông, thuộc thị trấn Ba Chúc, Trì Tôn, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang). Chùa do Bốn Sư Ngô Lợi cùng với tín đồ xây dựng vào ngày 19 tháng 1 năm 1877, ảnh 2015.



Hình 7: Nơi thờ cúng trong nhà của một tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa tại Ba Chúc, ảnh Internet (Google).



Hình 8: Trang phục của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Trang phục của người theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là trang phục cổ truyền của người Việt Nam hồi cuối thế kỷ XIX được duy trì đến tận ngày nay. Trang phục của những người theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, từ hàng ngũ chức sắc như ông Trò, ông Gánh, Cư sĩ, người Quản tự đến mọi tín đồ nói chung đều giống nhau, không có sự phân biệt theo chức sắc, ngôi vị như tôn giáo khác... rất dễ dàng trong mọi sinh hoạt, ảnh Internet (Google).



Hình 9: Ngôi Long Đỉnh (Long vị) của Tứ Ân Hiếu Nghĩa, ảnh Internet (Google).



Hình 10: Một góc trong khuôn viên Phi Lai Tự ở Ba Chúc, Tri Tôn, tỉnh Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), ảnh 2015.

XIV

TỨ AN HIẾU NGHĨA & BỔN SƯ NGÔ TỰ LỢI (P-2)

CUỘC TRƯỜNG KỲ KHÁNG CHIẾN CỦA BỔN SƯ NGÔ TỰ LỢI Từ 1867 Đến 1890 (P-2)

Trong khoảng đầu năm 1878, đức Bổn Sư Ngô Lợi tổ chức hai cuộc lễ đại trai đàn, mỗi lần kéo dài ba ngày ba đêm liền, vừa để cầu siêu cho những vong linh đã vị quốc vong thân trong cuộc chiến tranh với giặc Pháp, mà cũng vừa để khơi dậy lòng yêu nước của hàng ngàn người đến tham dự. Lần đầu tiên là vào ngày 16 tháng 2 năm 1878, qui tụ hơn 200 người, đức Bổn Sư thuyết giảng về Hội Long Hoa và tuyên bố đời Minh Hoàng (10) được thành lập, ai không theo thì bị thú dữ, cọp beo trong rừng ăn thịt. Lần thứ nhì được tổ chức vào ngày 30 tháng 4 năm 1878. Trong lần này, đức Bổn Sư giao cho ông Võ Văn Khả làm Chánh Tướng, Lê Văn Ong làm Phó Tướng để cùng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp.

Riêng phần đức Bổn Sư Ngô Lợi, sau khi lo liệu xong xuôi cho khu vực trại ruộng Ba Chúc, thì ngài lại rày đây mai đó, vừa thuyết giảng, vừa trị bệnh cho bá gia bá tánh, mà cũng vừa tìm thêm những người có cùng chí hướng với mình để bí mật tổ chức đồng bào nổi dậy đánh Tây. Nói cách khác, trong mọi hoạt động của đức Bổn Sư Ngô Lợi đều hướng về một mục đích duy nhất là đánh đuổi giặc Pháp ra khỏi bờ cõi. Năm 1878, chính đức Bổn Sư đã giúp tập hợp được một số lớn nghĩa binh các vùng Thuộc Nhiêu, Cai Lậy, Tân Hiệp ở vùng Mỹ Tho để rồi vào ngày 2 tháng 5 năm 1878, hai ông Lãnh Binh Ong và Phó lãnh binh Khả đã phát cờ khởi nghĩa đánh chiếm các đồn bót trong vùng này. Tuy cuộc khởi nghĩa thất bại, cả hai ông Lãnh Binh Ong và Phó lãnh binh Khả cùng một số nghĩa binh đã bị tên Việt gian Tổng Đốc Trần Bá Lộc xử chém vào năm 1879. Trong khi đó, đức Bổn Sư Ngô Tự Lợi cùng một nhóm nghĩa binh khác rút lui về làng An Định, an toàn khu do ngài cùng tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đã xây dựng trước đó, án binh bất động, chờ ngày quật khởi.

Qua lời khai của một số nghĩa binh vì không chịu nổi cực hình tra tấn, mật thám Pháp biết được cuộc nổi dậy Thuộc Nhiêu có sự lãnh đạo của ông “Năm Thiếp”, nên liền sau đó, vào ngày 29 tháng 5 năm 1878, giám đốc sở Nội Vụ Sài Gòn ký lệnh cho tham biện các tỉnh miền Tây truy nã Thầy Ngô Lợi. Dầu bị mật thám Pháp và Việt gian tay sai theo

đôi rất gắt gao, nhưng nhờ đồng bào kính ngưỡng, mền mộ luôn che chở, nên dù Pháp có cho người trà trộn vào hàng ngũ, và dù cho người Pháp có treo giải thưởng đến hàng ngàn quan tiền cho những ai bắt được ngài, nhưng đức Bôn Su cứ như người biết phép tàng hình, nên bọn mật thám Pháp không tài nào tìm gặp được ngài. Thậm chí người Pháp ra lệnh truy nã Bôn Su Ngô Lợi trên một bình diện rộng lớn, và ngay cả thuộc hạ đặc lực của tên Tổng đốc Trần Bá Lộc là Hai Phép lãnh trách nhiệm trà trộn làm tín đồ và theo dõi ngài, nhưng cuối cùng cũng bị ngài cảm hóa, khiến y tự nguyện theo về với phe kháng chiến. Về phía tên Tổng đốc Đỗ Hữu Phương, y cũng cho một tay thuộc hạ thân tín người Minh Hương, tên là Bửu, mua 3.000 xâu chuỗi hạt Bồ đề từ Chợ Lớn xuống Núi Tượng cúng dường cho bốn đạo, nhưng cũng không dò hỏi được tin tức gì cả.

Tình hình nghiêm trọng đến độ, viên Thống Đốc Nam Kỳ đã phải ra lệnh cho viên Chánh tham biện tỉnh Châu Đốc tên Puech phải đích thân hành quân tảo thanh Núi Tượng, phải cho binh lính truy quét cả ngày lẫn đêm. Dầu làm hết cách, nhưng bọn Pháp cũng không hề tìm ra manh mối hay tung tích của đức Bôn Su. Ngay cả khi bọn Việt gian tay sai gửi báo cáo chỉ điểm rõ ràng địa điểm, nơi chốn và giờ giấc rất cụ thể, và tên chánh tham biện đã cho quân phục kích rất cẩn thận, một con kiến cũng không thể lọt qua, thế mà chúng cũng không tìm ra được đức Bôn Su Ngô Lợi. Trước tình hình đó, quân Pháp, nhất là quân đóng ở Châu Đốc không lúc nào được yên. Thêm vào đó, tình hình biên giới Việt Miên lúc đó ngày càng phức tạp hơn. Phía bên kia biên giới, rất nhiều người Khmer cũng hưởng ứng sự kêu gọi của các hoàng thân Pukampo, Achar Xoa và Sivatha đứng lên đánh Pháp.

Trước tình hình đó, quân Pháp và Việt gian tay sai luôn phải ngày đêm ruồng bỏ và lùng sục khắp nơi. Chỉ tính trong vòng 12 năm, kể từ năm 1876 đến năm 1888, quân Pháp đã đến các trại ruộng đốt phá, bắt bớ, tra tấn và tù đầy các tín đồ ở làng An Định cả thảy bảy lần, các tín đồ Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa gọi là “Đạo Nạn”. Đương cử một trong những lần đạo nạn là một hôm vào ngày rằm tháng 7 năm 1881, trong lúc các tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa đang cử hành lễ Trung Nguyên, đang cúng đại trai đàn và Bôn Su Ngô Lợi đang giảng thuyết, thì bị quân Pháp bí mật đánh úp. Lực lượng Pháp gồm lính đóng ở Châu Đốc phối hợp với trung tâm đồn binh ở Tân An, chuyển quân tới vùng này bằng nhiều chiếc thuyền đổ quân. Khi đến Tịnh Biên, quân Pháp cho bao vây Núi Tượng, rồi tấn công và đốt hết tất cả nhà cửa, chùa chiền cũng như các nhà độc giảng của Tứ Ân Hiếu Nghĩa, nhưng không bắt được Bôn Su Ngô Lợi. Sau khi quân Pháp rút đi, dân chúng các nơi lại tụ về trại ruộng làm ăn

sinh sống như trước. Sau đó người Pháp đã nhiều lần tìm cách bắt sống Bôn Sư Ngô Lợi, nhưng đều thất bại.

Ngày 13 tháng 7 năm 1883, vua Hàm Nghi ban chiếu Cần Vương, từ đó phong trào Cần Vương nhanh chóng lan rộng khắp Bắc Trung Nam. Riêng tại vùng An Định của Bôn Sư Ngô Lợi, trại ruộng nghiêm nhiên trở thành một trong những cơ sở quan trọng nhất cho phong trào ở vùng đất phương Nam. Tuy phong trào Cần Vương không có kết quả là mấy sau khi vua Hàm Nghi bị giặc bắt đi đày. Đến khoảng đầu năm 1885, sau khi kết hợp được với lực lượng kháng chiến của Hoàng thân Sivatha bên Cao Miên, đức Bôn Sư liền ra lệnh cho nghĩa binh đánh chiếm dọc theo hai bên bờ Kinh Vĩnh Tế và chiếm lý sở quận Tịnh Biên. Tuy nhiên, đến ngày 16 tháng 4 năm 1885, giặc Pháp do tên Đại úy Ferussac lại mở một cuộc tấn công có qui mô rất lớn vào dân làng An Định trong trại ruộng vùng Ba Chúc. Lần này chúng quyết tâm giải tán đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa và bắt cho bằng được Bôn Sư Ngô Lợi. Nhưng trước đó giáo chủ Ngô Lợi đã dẫn toàn bộ 1.800 người trong toàn trại ruộng qua khu Vườn Dầu, bên phía Cam Bốt để tránh sự tàn sát của giặc Pháp. Cũng như những lần trước đó, giặc Pháp lại đốt hết nhà cửa, chùa chiền và lấy đi tất cả những báu vật trong chùa, đặc biệt là tại Chùa Long Đình, chúng đã lấy tất cả những cúng cụ quý báu trong chùa. Tháng 10 năm 1885, tên Chủ tỉnh Châu Đốc là Lebrun đã báo cáo: “Toàn là dân bất hảo, chống đối sự khai hóa của người Pháp. Họ ở tứ xứ gom về và tất cả đều theo đạo Phật Tứ Ân Hiếu Nghĩa, nhưng là những Phật tử có nhiệt tâm đến mức cuồng tín. Họ ra về chỉ thú làm ăn, nhưng gặp cơ hội là họ nổi loạn nữa.”

Ngày 2 tháng 6 năm 1886, giặc Pháp mở cuộc hành quân sang đất Cao Miên, đánh vào căn cứ Vườn Dầu nhưng thất bại nặng nề. Sau cuộc hành quân tìm diệt đức Bôn Sư Ngô Tự Lợi ở căn cứ Vườn Dầu vào năm 1886 nhưng thất bại, chính người Pháp đã phải viết: “Uy tín tinh thần của ông Ngô Lợi còn rất mạnh, vì ông là Giáo chủ của một tôn giáo mới, đó là Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa.” Mà thật vậy, ngoài chuyện đức Bôn Sư Ngô Tự Lợi là giáo chủ của Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, mà lúc đó vì lý do giặc Pháp thắng tay đàn áp những cuộc kháng chiến lớn của nghĩa binh trên toàn cõi Nam Kỳ, nên họ chạy về đây, hưởng ứng phong trào Cần Vương, cùng với đức Bôn Sư Ngô Lợi chờ cơ hội tiếp tục đánh Tây. Tưởng cũng nên nhắc lại, phong trào Cần Vương bắt đầu được phát động vào tháng 7 năm 1885.

Sau hơn một tháng ở Cam Bốt, Bôn Sư Ngô Lợi và tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa lại bắt được liên lạc được với nhóm kháng chiến chống Pháp của Cao Miên là nhóm do Sivatha cầm đầu. Hai nhóm kháng chiến Việt-Miên cùng phối hợp kéo quân về đánh chiếm đồn Phú Thạnh, khiến cho

quan chủ tỉnh Châu Đốc phải tăng viện quân và cử tên thiếu tá Goulias chỉ huy lên dẹp loạn, nhưng không tái chiếm được đồn, vì lúc này quân kháng chiến người Khmer của nhóm Sivatha đánh giặc rất hăng bên cạnh nghĩa binh Việt Nam. Lúc này trước khi rút lui, giặc Pháp điên cuồng bắn giết và đốt phá nhà cửa của thường dân. Đồng bào thôn An Định bỏ chạy tứ tán, thấy vậy người Pháp kêu gọi họ hồi cư. Sau lệnh hồi cư, dân chúng lục tục trở về nhưng không đông đảo như trước đây nữa, vì đa số đã bỏ đi ra Châu Đốc chứ không dám ở lại.

Một thời gian sau, khi thấy tình hình tạm yên, Bôn Sur Ngô Lợi lại đưa khoảng 2.000 tín đồ trở về trại ruộng vùng Ba Chúc, gặp ngay cơn hạn hán, lại thêm tất cả cơ sở vật chất trước đây đều bị Tây đốt sạch, nên nạn đói đã xảy ra, nhiều người phải lên núi đào củ để ăn cho đỡ đói. Mặc dầu ngoài mặt Tây và bọn tay sai không làm gì được, vì đây là những nông dân nương nhau làm ruộng để sinh sống, nhưng bên trong họ rất sợ nhóm người này nổi lên làm loạn, nên họ luôn tìm cách bắt cho bằng được người thủ lãnh. Đến đầu năm 1887, viên chủ tỉnh Châu Đốc phải cho xóa tên làng An Định để nhập vào xã Ba Chúc, y cho rằng: “Dân An Định toàn là dân bất hảo, chống đối sự khai hóa của người Pháp. Họ tu hành cuồng tín, ra vẻ chí thú làm ăn nhưng đó là hình thức mà thôi, gặp cơ hội sẽ làm loạn nữa. Do đó phải có biện pháp cứng rắn hơn.” Như vậy, kể từ năm 1887, về mặt hành chính, làng An Định chính thức bị giải tán và sáp nhập vào Ba Chúc. Mặc dầu làm đủ mọi cách, viên chủ tỉnh vẫn thấy không yên tâm, ngày 5 tháng 2 năm 1887, y bèn đánh điện tín về Sài Gòn, yêu cầu được gặp viên Giám Đốc Nha Nội Vụ để bàn một kế hoạch đánh nghĩa binh hết sức quan trọng: Đó là kế hoạch đối phó với tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở Núi Tượng, nơi có chùa Phi Lai nổi danh ở Nam Kỳ, nơi mà Năm Thiếp đang cư ngụ. Uy tín tinh thần của ông rất mạnh, vì ông là giáo chủ của tôn giáo Tứ Ân. Ngôi chùa này cũng là trung tâm của làng An Định, nơi được xem là nơi khai sinh ra Đạo Tứ Ân, mà toàn thể tín đồ của họ đều tham gia phong trào phục hưng cho dân An Nam.

Trong khi đó thì căn cứ địa trại ruộng An Định của Bôn Sur Ngô Lợi vẫn tiếp tục cùng các tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa chuẩn bị quân lương và vũ khí chờ thời cơ thuận tiện để đánh Pháp. Sau năm 1887, nghĩa binh của các cuộc khởi nghĩa thất bại ở Nam Kỳ và những người không cam tâm chịu sự cai trị của người Pháp kéo về Núi Tượng ngày một đông hơn. Lúc bấy giờ Núi Tượng đã nghiêm nhiên trở thành nơi có sức thu hút mạnh mẽ, và sự ra vô từ Châu Đốc của các tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa khiến cho thực dân Pháp vô cùng lo sợ. Sau khi được Sài Gòn cho phép, ngày 13 tháng 5 năm 1887, viên chủ tỉnh Châu Đốc bèn huy động một lực lượng rất lớn do tên thiếu tá Peignaux cầm đầu, với sự tham gia của

các tên Việt gian khét tiếng khác như Trần Bá Lộc, Cai Tổng Trương Văn Keo, và tên gián điệp Tám Quy vô cùng lợi hại. Cũng như những lần trước, giặc Pháp tấn công như vũ bão, nhưng bị quân kháng chiến kháng cự dữ dội tại Núi Trà Sư, nên khi giặc Pháp tràn được vào làng, chúng đã ra lệnh đốt sạch các cơ sở thờ tự của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, cũng như đốt phá toàn bộ cơ sở vật chất trong trại ruộng. Bên cạnh đó, chúng ra lệnh tập trung hết dân làng để kiểm soát, lấy lời khai lý lịch, rồi cho trục xuất toàn bộ 407 gia đình, gồm cả thầy 1.990 người, kể cả nam phụ lão ấu, về nguyên quán. Tuy giặc Pháp đã làm đủ mọi phương cách, nhưng chúng cũng chẳng bắt được Bôn Sư Ngô Lợi.

Ghi Chú:

(10) Theo thuyết Hội Long Hoa, ở thời kỳ Mạt Pháp đức Phật Di Lặc sẽ ra đời, lập lên Hội Long Hoa, để thuyết pháp hóa độ chúng sinh. Trong Kinh Di Lặc chỉ nói đức Phật này sẽ ra đời vào thời kỳ Mạt Pháp, nhưng không nói rõ là vào khoảng nào, cho nên ngày giờ lập Hội có nhiều cách hiểu khác nhau. Khi đến đời Minh Hoàng thì Núi Cấm sẽ nổ lớn rồi nứt ra. Khi đó trong Núi sẽ xuất hiện cung vàng điện ngọc với một đấng Minh Vương. Vị này sẽ lập đời Thượng Ngươn vô cùng thái bình và an lạc. Chỉ có những người theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa mới được cứu và được sống sót... Như vậy, có thể nói đức Bôn Sư Ngô Lợi là người đã thấy rõ tình huống thời bấy giờ, sau những thất bại của những phong trào kháng chiến chống Pháp như Trương Định, Thiên Hộ Dương, Thủ Khoa Huân, Nguyễn Trung Trực, lòng người đã trở nên ngán ngẫm với vũ khí tối tân của Tây, nên ngài đã chọn lựa ngọn cờ tôn giáo làm một thứ vũ khí tinh thần nhằm cổ vũ lòng yêu nước để người dân có thể tiếp tục đối kháng với kẻ xâm lăng mạnh hơn mình gấp nhiều lần.



Hình 1: Quang cảnh tổng quát tại vùng Ba Chúc, Tịnh Biên, tỉnh Châu Đốc, ngày nay thuộc tỉnh An Giang, ảnh 2015.



Hình 2: Quang cảnh tổng quát tại vùng Ba Chúc, Tịnh Biên, tỉnh Châu Đốc, ngày nay thuộc tỉnh An Giang, ảnh 2015.



Hình 3: Quang cảnh Tam Bửu Tự, Ba Chúc, Tịnh Biên, tỉnh Châu Đốc, ngày nay thuộc tỉnh An Giang. Khoảng năm 1884, Ngô Lợi trở lại núi Tượng dựng chùa Tam Bửu (Tam Bửu thường trụ), ảnh 2015.



Hình 4: Bàn thờ bên trong Chánh điện Tam Bửu Tự, ảnh 2015.



Hình 5: Bàn thờ bên trong Chánh điện Tam Bửu Tự, ảnh 2015.



Hình 6: Bàn thờ bên trong Chánh điện Tam Bưu Tự, ảnh 2015.



Hình 7: Bàn thờ bên trong Chánh điện Tam Bưu Tự, ảnh 2015.



Hình 8: Khai lễ vật trong thờ cúng rất đơn giản của các tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Cái khai có hình vuông tượng trưng cho Đất, cái đĩa hình tròn tượng trưng cho Trời, trên đĩa có 4 miếng trầu tượng trưng cho Tứ Ân, 4 miếng cau và một miếng thuốc tượng trưng cho tinh thần tộc xóm giềng... , ảnh 2015.



Hình 9: Búi tóc danh của Đức Bôn Sư Ngô Tự Lợi, đang được thờ tại Tam Bửu Tự, ảnh 2015.



Hình 10: Bản sao bức thư ngày 22-12-1879, viên Chủ tỉnh Châu Đốc mới có báo cáo với Thống đốc Nam Kỳ về việc dân xin lập làng An Định, Tịnh Biên, Châu Đốc, ảnh Internet (Google).

XV

TỨ AN HIẾU NGHĨA & BỒN SƯ NGÔ TỰ LỢI (P-3)

Từ đó, đức Bồ Sư Ngô Lợi và các tín đồ của ngài phải lần tránh vất vả khó nhọc hơn. Đương nhiên là người Pháp không bao giờ từ bỏ ý định truy tìm ông, nhưng tất cả những cố gắng của họ đều không có kết quả. Sau một lúc, để ổn định lòng dân, giặc Pháp lại làm nơ cho bà con trở về An Định tái thiết thôn xóm cũng như một số chùa miếu để có nơi sớm hôm lễ bái. Tuy nhiên, gần đến cuối năm 1887, giặc Pháp lại tấn công vào trại ruộng An Định lần nữa, chúng bắt được 8 thành viên của phong trào Cần Vương và xử tử họ rồi chôn chung vào một gò mả. Trong những ngày cuối năm 1887, giặc Pháp cho tên gián điệp khét tiếng Năm Cũ vào theo dõi để bắt hoặc ám sát Bồ Sư Ngô Lợi, nhưng khi tên Năm Cũ vào trại ruộng, sống chung với ngài Ngô Lợi lại được ngài cảm hóa. Từ đó Năm Cũ thú thật và xin nguyện ở lại với nghĩa binh. Đầu năm 1888, nghĩa binh An Định tổ chức ám sát tên Việt gian Trần Bá Lộc nhưng thất bại. Sau đó nghĩa binh tung tin là Bồ Sư Ngô Lợi đã qua đời, họ làm một ngôi mộ giả cho ông tại doi Hai Ký, giữa Núi Dài và An Thành. Ngay sau bị ám sát hụt, tên Trần Bá Lộc đã điên cuồng đề nghị các quan Tây làm cỏ sạch cả vùng trại ruộng. Đây là lần thứ bảy chúng tấn công vào trại ruộng nhưng cũng lại thất bại, chúng chỉ đốt hết toàn bộ cơ sở vật chất. Sau vì giặc Pháp thấy không thể nào dùng vũ lực đối với dân chúng vùng trại ruộng An Định, nên chúng thay đổi sách lược bằng cách thừa nhận sự tồn tại của trại ruộng An Định, nhưng chúng lại chia cắt mạnh mún trại ruộng như chúng cho sáp nhập thôn An Định vào xã Ba Chúc, còn thôn An Thành vào xã Lương Phi, vân vân. Chính sự chia cắt này đã làm cho sự hoạt động của nghĩa binh ngày càng khó khăn hơn.

Và đến ngày 13 tháng 10 năm Canh Dần, 1890, đức Bồ Sư Ngô Lợi thực sự qua đời ở tuổi 59 tại chùa Bửu Linh, gần Núi Tượng, thuộc thôn An Hòa, nay là khóm An Hòa B, thị trấn Ba Chúc (11), huyện tri Tôn, tỉnh An Giang. Sau đó nghĩa binh cũng từ từ tan rã. Tuy nhiên, từ đó trở về sau này, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa ngày càng phát triển mạnh tại vùng này. Ngoài bản kinh Đà La Ni ra, trong suốt khoảng thời gian từ năm 1879 đến năm 1884, đức Bồ Sư Ngô Tự Lợi còn truyền dạy cho tín đồ nhiều bài văn sớ cho nhiều nghi thức cúng lễ. Về sau này, các đệ tử của ngài đã ghi chép lại thành tập sách Ngọc Lịch Đồ Thơ Tập Chủ và tập sách Chánh Tăng Phật Tích (12). Hằng năm, tại khu chùa Tam Bửu và

Phi Lai trong thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn đều có tổ chức Lễ Vía Đức Bồn Sư Ngô Tự Lợi vào ngày 12 và 13 tháng 10 âm lịch.

Phải thành thật mà nói, từ Bồn Sư Ngô Lợi đến hàng ngàn tín đồ của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa đã làm tròn một trong bốn trọng ân quan trọng nhất trong con quốc phá gia vong là đền ân đất nước và ân đồng bào, dầu không thành công, ít nhất họ cũng đã làm tròn bổn phận đối với quê hương và đất nước. Cuộc kháng chiến chống Pháp của đức Bồn Sư Ngô Lợi trên vùng Núi Tượng, vì lòng yêu nước nồng nàn và vô bờ vô bến của ngài và tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, họ đã chấp nhận mọi hy sinh gian khổ, thậm chí nhiều phen họ phải trải qua những cơn cơn quét thô bạo của giặc, nhiều khi nhiều nghĩa binh bị giặc tắm mình trong máu, trong biên lửa, hoặc bị bắt bớ, tra tấn, tù đày. Vì đất nước và vì dân tộc, mà trong suốt quá trình kháng chiến vùng Núi Tượng, đức Bồn Sư Ngô Lợi và chư đạo hữu Tứ Ân Hiếu Nghĩa đã phải hàng chục lần đương đầu không cân xứng với một lực lượng viễn chinh chuyên nghề xâm lược. Thế nhưng cũng trong hàng chục lần đó, giặc Pháp cũng từng ấy lần ăn không ngon, ngủ không yên, và trên hết là chúng rất sợ người Việt Nam, vì không biết những người nông dân lam lũ hiền lành ấy sẽ nổi lên đánh lại họ vào lúc nào. Tuy cuộc kháng chiến của đức Bồn Sư Ngô Lợi không đạt được thành công, nhưng tôn giáo mà ngài khai sáng ra: Tứ Ân Hiếu Nghĩa, là tôn giáo vừa cứu dân cứu đời mà cũng không quên ân đất nước. Từ đó, một bậc chí sĩ như đức Bồn Sư Ngô Tự Lợi trong lúc hưởng ứng phong trào Cần Vương, đã có khả năng cho ra đời một tôn giáo mới tại vùng Núi Tượng để che mắt giặc Pháp. Ngài đã cho xây dựng chùa Phi Lai, chùa Tam Bửu để có thể quy tụ những người có chí lớn: chí quật khởi chống lại quân cướp nước để mong có ngày mang lại nền độc lập, dân chủ và dân quyền cho đất nước và dân tộc. Chính đức Bồn Sư Ngô Lợi là người đã mớm vào lòng những người nông dân chất phác ý thức được tinh thần dân tộc của người tín đồ rất cao. Nhờ vậy mà họ đã cùng ông kiên cường chiến đấu, quyết đánh giặc tới kỳ cùng để giành lại nền độc lập và tự do dân chủ cho xứ sở. Dầu đức Bồn Sư Ngô Lợi đã ra đi cách nay 127 năm, dân tộc Việt Nam, nhất là dân chúng vùng Đất Phương Nam sẽ đời đời kính ngưỡng và nhớ ơn ngài, cũng như nhớ ơn tất cả những tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa đã một thời vùng lên đánh Tây, làm tròn ân nghĩa với đất nước với dân tộc. Ngưỡng mong chư Phật mười phương luôn gia hộ cho tất cả những “Ông Trò”, “Ông Gánh (13)”, cũng như những tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa để họ luôn giữ gìn gìn giữ mỗi của một đạo thật đẹp và thật cao cả: Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa.

Ghi Chú:

(11) Theo tài liệu của Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, dưới thời Pháp thuộc khu vực chùa Tam Bửu và chùa Phi Lai cũng như những trại ruộng xung quanh đã phải chịu ít nhất là bảy lần Đạo Nạn (có thể còn nhiều hơn nữa, nhưng người viết bài này chưa có đủ tài liệu chính xác?), mỗi lần Đạo Nạn là giặc Pháp và những tên Tay sai bán nước đã giết chết không biết bao nhiêu là sinh mạng của đồng bào theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Vào năm 1978, khu vực chùa Tam Bửu và chùa Phi Lai cũng như những trại ruộng xung quanh đã phải chịu thêm một cuộc thảm sát đẫm máu của bọn hình người dạ thú: Khmer Rouge (lính Ponpot của quân đội Khmer Đỏ). Chúng đã thảm sát hết 3.157 người bằng đủ mọi cách vô cùng dã man như đập đầu, đâm, bắn... Tương truyền, sau khi đức Bôn Sư Ngô Lợi thị tịch, vì sợ giặc Pháp tiêu hủy kim thân của ngài, nên đệ tử đã đem vào giấu trong Vồ Cấm, Núi Tượng, đến khi mọi chuyện đều ổn mới đem về giấu nơi Chùa Tổ, tức chùa Tam Bửu. Ngày 8 tháng 5 năm 2017, người viết bài này có đi đến chùa Tam Bửu và chùa Phi Lai để kính viếng hai nơi thiêng liêng này và có nói chuyện với một vị Cư Sĩ của Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, tên là Dương Văn Gập, quê tại Bình Thủy, Bình Phú, An Giang về sự an toàn của kim thân của đức Bôn Sư Ngô Tự Lợi, nhưng hình như ông Gập tránh né không muốn đề cập đến vấn đề này. Ông này chỉ cho biết là 2 ngôi mộ, một nằm bên sân chùa Tam Bửu và một ở thôn An Thành là những ngôi mộ Gió, tức là mộ mà không có hài cốt của ngài, chỉ lập ra để che mắt quân Pháp thời đó, và đồng thời cũng có nơi có chỗ cho tín đồ đến kính viếng và lễ bái ngài.

(12) Theo nội dung trong bộ Ngọc Lịch Đồ Thư Tọa Chú, được chép bằng chữ Hán, và tập sách Chánh Tăng Phật Tích, thơ lục bát được viết bằng chữ Nôm là 2 quyển tài liệu bí truyền của Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, đức Bôn Sư Ngô Tự Lợi sinh vào giờ Ngọ, ngày mùng 5 tháng 5 năm Tân Mão, 1831, và khi mới khai sáng đạo thì đức Bôn Sư gọi là Đạo Thờ Ông Bà hay Đạo Lành, về sau này tín đồ mới gọi đạo của mình là Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa hay gọi tắt là đạo Hiếu Nghĩa.

(13) Sau khi đức Bôn Sư Ngô Lợi qua đời vào ngày 13 tháng 10 năm Canh Dần, 1890, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa được các “Ông Trò” và “Ông Gánh” nối chí Thầy xiển dương. Ông Trò là những đệ tử theo sát bên Thầy và phát huy ý tưởng của Thầy, còn Ông Gánh là gánh vác hai vai Đạo và Đời như nhau, tức những người được giao trách nhiệm trông nom việc Đạo thay cho Thầy, mỗi Ông Gánh quản lý khoảng 30 nóc gia của tín đồ. Ông Gánh cũng từ trong hàng ngũ các Ông Trò được tuyển ra sau khi đã có đầy đủ năng lực. Đối với đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, thế hệ Ông Trò đã qua, nay chỉ còn những Ông Gánh, giúp việc cho Ông Gánh là

những cư sĩ. Hiện tại, quanh vùng Núi Tượng có khoảng 13 gánh; vùng Tri Tôn có khoảng 24 gánh. Tổng số tín đồ đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa khoảng 50.000 người, riêng huyện Tri Tôn có khoảng 22.000 người. Những Ông Gánh cũng như cư sĩ trong Tứ Ân Hiếu Nghĩa đều để tóc để râu, giống như người Việt Nam trong thời kỳ trước khi bị Pháp lấn chiếm.



Hình 1: Đường vào Chùa Tam Bửu, Núi Tượng, Ba Chúc, quận Tri Tôn, tỉnh Châu đốc, ngày nay thuộc tỉnh An Giang, ảnh 2015.



Hình 2: Đường vào Chùa Tam Bửu, Núi Tượng, Ba Chúc, quận Tri Tôn, tỉnh Châu đốc, ngày nay thuộc tỉnh An Giang, ảnh 2015.



Hình 3: Đường vào Chùa Tam Bửu, Núi Tượng, Ba Chúc, quận Tri Tôn, tỉnh Châu đốc, ngày nay thuộc tỉnh An Giang, ảnh 2015.



Hình 4: Đường vào Chùa Tam Bửu, Núi Tượng, Ba Chúc, quận Tri Tôn, tỉnh Châu đốc, ngày nay thuộc tỉnh An Giang, ảnh 2015.



Hình 5: Phía trước Chùa Tam Bửu (vì lý do riêng tác giả cố tình làm cho hình có màu đen), Núi Tượng, Ba Chúc, quận Tri Tôn, tỉnh Châu đốc, ngày nay thuộc tỉnh An Giang, ảnh 2015.



Hình 6: Toàn cảnh bên trong khuôn viên Tam Bửu Tự, Núi Tượng, Ba Chúc, quận Tri Tôn, tỉnh Châu đốc, ngày nay thuộc tỉnh An Giang, ảnh 2015.



Hình 7: Toàn cảnh bên trong khuôn viên Tam Bửu Tự, Núi Tượng, Ba Chúc, quận Tri Tôn, tỉnh Châu đốc, ngày nay thuộc tỉnh An Giang, ảnh 2015.



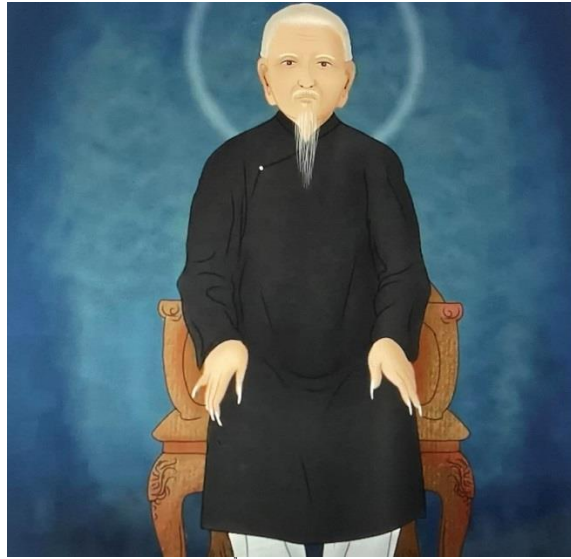
Hình 8: Bàn thờ Bốn Sư Ngô Lợi trong ngôi Tam Bửu Tự, Núi Tượng, Ba Chúc, quận Tri Tôn, tỉnh Châu đốc, ngày nay thuộc tỉnh An Giang, ảnh 2015.



Hình 9: Bàn thờ Bốn Sứ Ngũ Lợi trong ngôi Tam Bửu Tự, Núi Tượng, Ba Chúc, quận Tri Tôn, tỉnh Châu đốc, ngày nay thuộc tỉnh An Giang, ảnh 2015.



Hình 10: Vô Hạt Lúa thời xưa, được thờ trong ngôi Tam Bửu Tự, Núi Tượng, Ba Chúc, quận Tri Tôn, tỉnh Châu đốc, ngày nay thuộc tỉnh An Giang, ảnh 2015.



Hình 11: Tranh vẽ Đức Bốn Sư Ngô Lợi trong ngôi Tam Bửu Tự, Núi Tượng, Ba Chúc, quận Tri Tôn, tỉnh Châu đốc, ngày nay thuộc tỉnh An Giang, ảnh 2015.



Hình 12: Lá phướn với dòng chữ Hán “Bửu Sơn Kỳ Hương”, thường được nghĩa binh sử dụng trong cuộc kháng chiến chống Pháp thời đức Bốn Sư Ngô Tự Lợi, ảnh internet Google).

Tài Liệu Tham Khảo

- 1) Báo Le Courier de Saigon, số ra ngày 5 tháng 4 năm 1873, theo Công Báo Nam Kỳ 1873 (Bulletin de Administratif de Cochinchine 1873).
- 2) Bửu Sơn Kỳ Hương, Vương Kim, NXB Long Hoa, Sài Gòn, 1965.
- 3) Đức Cố Quân hay cuộc khởi nghĩa Bảy thừa, Nguyễn Văn Hầu, Nhà xuất bản Tân Sanh, Sài Gòn, 1956.
- 4) Địa chí An Giang (Tập I), Nhiều tác giả, ấn hành năm 2003.
- 5) Lịch Sử An Giang, Sơn Nam, Sài Gòn, 1966.
- 6) Lịch sử An Giang, Sơn Nam, NXB Tổng hợp An Giang, 1988.
- 7) Nửa Tháng Ở Miền Thất Sơn, Nguyễn Văn Hầu, Sài Gòn, 1965.
- 8) Sổ Tay Hành Hương Đất Phương Nam, nhiều người soạn, Huỳnh Ngọc Trảng chủ biên, Nhà xuất bản TP HCM, 2002.
- 9) Tài liệu Đình Tây trong bài viết của Nguyễn Văn Hầu, 1965.
- 10) Thành Ngữ Điển Tích Danh Nhân Từ Điển quyển 2, Trịnh Văn Thanh, Nhà xuất bản Hồn thiêng, Sài Gòn, 1966.
- 11) Theo gia phả nhà họ Trần, được công bố năm 2008.
- 12) Việt sử tân biên (Quyển 5, Tập Thượng), Phạm Văn Sơn, Tác giả tự xuất bản, Sài Gòn, 1962.
- 13) Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam, Nguyễn Q. Thắng & Nguyễn Bá Thế, Nhà xuất bản KHXH, 1992, tr. 60.
- 14) Tự Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam, TP HCM, 2009.

